

Số: 763 /QĐ-TĐHTPHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy
đối với phương thức 1 xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi THPT năm 2020
- Đợt 1 năm 2020**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3479/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Công văn số 1778/BGDĐT-GDDH ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn công tác tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2020;

Căn cứ Công văn số 3313/BGDĐT-GDDH ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Điều chỉnh lịch triển khai công tác tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2020;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng tuyển sinh về việc xác định Điểm chuẩn trúng tuyển đại học chính quy đối với phương thức 1 xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi THPT năm 2020 – Đợt 1 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về điểm chuẩn trúng tuyển đại học chính quy năm 2020 đối với đối với phương thức 1 xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi THPT năm 2020 – Đợt 1 năm 2020;

Xét đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển đại học hệ chính quy đối với các thí sinh sử dụng phương thức 1, xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi THPT năm 2020 - Đợt 1 năm 2020, bao gồm các ngành:

1. Quản trị kinh doanh (tổ hợp môn: A00, A01, B00, D01)	379 thí sinh
2. Địa chất học (tổ hợp môn: A00, A01, B00, A02)	02 thí sinh
3. Khí tượng và khí hậu học (tổ hợp môn: A00, A01, B00, D01)	15 thí sinh
4. Thủy văn học (tổ hợp môn: A00, A01, B00, D01)	03 thí sinh
5. Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững (tổ hợp môn: A00, A01, B00, D01)	02 thí sinh
6. Hệ thống thông tin (tổ hợp môn: A00, A01, B00, D01)	21 thí sinh
7. Công nghệ thông tin (tổ hợp môn: A00, A01, B00, D01)	259 thí sinh
8. Công nghệ kỹ thuật môi trường (tổ hợp môn: A00, A01, B00, A02)	32 thí sinh
9. Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ (tổ hợp môn: A00, A01, B00, A02)	25 thí sinh
10. Kỹ thuật tài nguyên nước (tổ hợp môn: A00, A01, B00, A02)	02 thí sinh
11. Kỹ thuật cấp thoát nước (tổ hợp môn: A00, A01, B00, A02)	21 thí sinh
12. Quản lý tài nguyên và môi trường (tổ hợp môn: A00, A01, B00, A02)	129 thí sinh
13. Kinh tế tài nguyên thiên nhiên (tổ hợp môn: A00, A01, B00, D01)	29 thí sinh
14. Quản lý đất đai (tổ hợp môn: A00, A01, B00, D01)	343 thí sinh
15. Quản lý tổng hợp tài nguyên nước (tổ hợp môn: A00, A01, B00, D01)	06 thí sinh
16. Quản lý tài nguyên khoáng sản (tổ hợp môn: A00, A01, B00, A02)	00 thí sinh
17. Quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo (tổ hợp môn: A00, A01, B00, D01)	04 thí sinh

(Có danh sách kèm theo)

Tổng số: 1272 thí sinh

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (Bà): Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm có liên quan và những thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- Bộ TN&MT (báo cáo);
- Công bố trên website Trường;
- Lưu VT, ĐT.



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
1	40018170	NGUYỄN TRẦN THẢO NGỌC	13/09/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.60	08.00	07.50	0.75	24.85
2	02028768	TRẦN THỊ KIỀU	25/01/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.80	07.75	08.25	0.00	24.80
3	02029810	PHAN QUANG TRÍ	21/10/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.80	08.00	08.00	0.00	24.80
4	53001760	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	01/08/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.80	08.00	07.25	0.50	24.55
5	48007110	BẠCH THỊ MAI HOA	14/11/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.60	08.00	07.25	0.50	24.35
6	46005472	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	03/09/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.60	08.25	06.60	0.75	24.20
7	33001582	TRẦN NGUYỄN BẢO TRẦN	18/04/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.20	07.75	07.75	0.50	24.20
8	54007409	PHẠM THỊ MINH TRANG	27/07/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.40	08.25	08.25	0.25	24.15
9	38010563	NGUYỄN VĂN NGHĨA	11/09/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.60	06.75	08.00	0.75	24.10
10	53007417	PHẠM HUỖNH THANH PHONG	06/12/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	09.00	06.75	08.00	0.25	24.00
11	02027115	NGUYỄN TRƯƠNG THẢO MY	24/03/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.40	07.75	07.50	0.00	23.65
12	02068726	TRẦN NGUYỄN HOÀNG PHÚC	19/09/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	B00	08.40	08.00	07.25	0.00	23.65
13	02011392	VÕ MINH ĐẠT	02/07/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.60	07.50	07.25	0.25	23.60
14	02049815	DƯƠNG TUẤN THÀNH	05/02/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.60	07.75	07.25	0.00	23.60
15	59000992	MẠCH TÚ QUYÊN	17/02/2002	Nữ	01	1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.80	07.25	05.75	2.75	23.55
16	31001010	HOÀNG LÊ PHƯƠNG THẢO	01/03/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	08.20	08.00	06.60	0.75	23.55
17	46004366	TRẦN THỊ BÍCH LIỄU	01/01/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.20	07.00	07.75	0.50	23.45
18	49008330	LÊ THỊ THỦY TIỀN	28/01/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.60	07.25	08.00	0.50	23.35
19	50003207	PHẠM THỊ TÚ TRINH	03/06/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.60	06.75	07.50	0.50	23.35
20	40008741	TÔNG THỊ THU HẰNG	01/10/2002	Nữ	01	1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.00	06.50	07.00	2.75	23.25

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
21	02054384	PHẠM NGUYỄN MINH THƯ	25/08/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.60	07.25	08.40	0.00	23.25
22	02041339	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	31/12/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	B00	07.60	08.00	07.50	0.00	23.10
23	45005728	ĐÌNH THỊ HOÀNG VI	25/10/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.60	07.25	08.00	0.25	23.10
24	43005187	LÊ THỊ NGỌC BÍCH	10/05/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	B00	07.80	08.00	06.50	0.75	23.05
25	53007808	TRẦN MAI KIM CHI	04/02/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.80	07.75	07.25	0.25	23.05
26	46004116	LÊ THỊ KIỀU ANH	13/03/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	09.00	06.25	07.00	0.75	23.00
27	02027690	HOÀNG PHẠM KHÁNH HÀ	22/11/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.00	07.75	07.25	0.00	23.00
28	02022679	NGUYỄN PHẠM MINH THƯ	25/02/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.20	06.75	08.00	0.00	22.95
29	02038146	NGUYỄN TRƯỜNG HUY	14/10/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.60	06.25	08.00	0.00	22.85
30	02027898	HUỖNH THỊ KIM NGUYỄN	23/03/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.60	07.25	07.00	0.00	22.85
31	45005621	TẠ NGỌC TRẦN	04/12/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	B00	07.60	08.50	06.50	0.25	22.85
32	42002325	HUỖNH QUỐC THẠCH	25/11/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.80	07.00	07.25	0.75	22.80
33	36003548	HUỖNH VĂN TỊNH	29/09/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.80	07.00	07.25	0.75	22.80
34	51012251	LÊ THỊ MỘNG CẨM	12/03/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.00	06.75	07.50	0.50	22.75
35	52002248	ĐẬU HỮU THẮNG	13/09/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.00	06.50	08.00	0.25	22.75
36	43008008	VŨ TIẾN ĐẠT	26/01/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	08.00	07.75	06.20	0.75	22.70
37	02018831	PHẠM LÊ NGÂN HOA	31/10/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.20	07.00	07.50	0.00	22.70
38	56011033	LÊ HỮU HẢO	22/12/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.40	06.75	07.25	0.25	22.65
39	02010825	TRẦN THỊ PHƯƠNG NGUYỄN	16/10/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.40	07.75	07.50	0.00	22.65
40	35004298	NGUYỄN THỊ HOÀI TIỀN	10/11/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.40	07.25	07.75	0.25	22.65
41	57002041	NGUYỄN THÁI BÌNH	19/08/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.60	07.00	07.75	0.25	22.60
42	41001019	PHẠM NGÂN HÀ	10/12/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.60	07.25	07.50	0.25	22.60
43	49010464	TRẦN NGUYỄN TRÚC HÂN	04/04/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.60	07.25	07.25	0.50	22.60
44	02008949	TRỊNH HỮU NHÂN	27/11/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.60	06.50	07.50	0.00	22.60

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
45	02026890	CAO NHẬT VY	19/10/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.40	08.00	06.20	0.00	22.60
46	02002620	HOÀNG TỔ UYÊN	31/01/2002	Nữ	06	3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	07.75	06.40	1.00	22.55
47	49011227	VĂN LÂM QUỲNH NHƯ'	11/03/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.00	06.00	08.00	0.50	22.50
48	02055817	PHẠM MINH TRỌNG	17/07/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	09.00	06.00	07.50	0.00	22.50
49	02011316	NGUYỄN MẠNH DŨNG	17/10/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.20	06.25	08.00	0.00	22.45
50	02017147	TRẦN XUÂN PHÚ	26/06/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.20	07.75	06.50	0.00	22.45
51	38001679	TÔ THỊ TUYẾT LINH	25/04/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.40	07.25	07.00	0.75	22.40
52	37001322	PHẠM HỮU LỢI	13/02/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.60	07.75	06.80	0.25	22.40
53	02008363	NGUYỄN THANH QUÂN	04/01/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.40	07.00	08.00	0.00	22.40
54	52003958	TRẦN THỊ TƯỜNG ANH	16/01/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	07.50	06.60	0.25	22.35
55	39006939	NGUYỄN LƯƠNG KHANG	25/08/2001	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.80	06.75	07.50	0.25	22.30
56	47003401	NGUYỄN Tú QUYÊN	14/11/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	07.25	07.20	0.25	22.30
57	47005031	LƯƠNG THỊ THANH AN	21/09/2002	Nữ	01	1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	07.50	05.40	2.75	22.25
58	61008231	NGÔ THỊ DIỆU	10/04/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.40	08.25	04.80	0.75	22.20
59	02062257	NGUYỄN VĂN HẬU	25/01/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	08.00	06.40	0.00	22.20
60	54006311	THẠCH THÚY LINH	02/10/2002	Nữ	01	1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.20	07.25	05.00	2.75	22.20
61	02059815	PHAN THỊ THỦY TRANG	01/01/2001	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	09.20	05.75	07.25	0.00	22.20
62	34013357	NGUYỄN LINH NA	28/10/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.40	07.50	05.75	0.50	22.15
63	54008543	TRẦN TUYẾT NHI	03/11/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.40	07.50	06.00	0.25	22.15
64	43006553	BÙI TRỌNG NINH	26/05/2002	Nam	01	1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.40	06.75	06.25	2.75	22.15
65	46001512	VÕ THỊ YẾN OANH	10/07/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	08.50	05.80	0.25	22.15
66	40007979	MAI LÊ NHƯ' QUỲNH	20/03/2001	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.20	08.00	05.20	0.75	22.15
67	52009762	PHẠM NGỌC TIỆP	08/02/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	06.40	07.00	0.75	22.15
68	52002772	LÊ THỊ THU HƯƠNG	09/11/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.20	08.25	05.40	0.25	22.10

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
69	52009318	TRẦN ĐẬU THUY DUNG	30/06/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.80	06.00	07.50	0.75	22.05
70	02070661	NGUYỄN ANH ĐÀO	15/10/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	07.75	06.00	0.25	22.00
71	34008851	LÊ THỊ LONG	02/01/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	07.50	06.00	0.50	22.00
72	54010353	TRẦN HOÀN NGỌC	24/11/2001	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	09.00	05.75	06.75	0.50	22.00
73	02010573	LÊ HUỖNH THUỶ VY	16/12/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	08.00	06.80	0.00	22.00
74	02062624	ĐINH LÊ QUỐC HƯNG	11/06/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.60	06.75	06.50	0.00	21.85
75	02036248	NGUYỄN LỤC GIA HÂN	26/10/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	07.75	06.00	0.25	21.80
76	53011045	TRƯƠNG THỊ MỸ DUNG	29/01/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	B00	08.00	07.50	05.75	0.50	21.75
77	02009502	PHẠM TRẦN NGỌC DUYÊN	07/01/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	06.75	07.60	0.00	21.75
78	02007288	PHAN HỒ ĐÌNH DUY	23/07/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	06.20	07.50	08.00	0.00	21.70
79	30002926	NGUYỄN THỊ HUYỀN	15/02/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.20	07.00	06.00	0.50	21.70
80	02036611	VŨ TRẦN HUYỀN LINH	16/11/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	08.25	05.20	0.25	21.70
81	40002454	VÕ TRỊNH DŨNG	02/08/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.40	05.75	06.75	0.75	21.65
82	56009885	VÕ THỊ KIM NGÂN	23/05/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	B00	07.40	07.00	07.00	0.25	21.65
83	02056700	ĐẶNG LÊ KIM THI	13/07/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	08.40	07.25	06.00	0.00	21.65
84	02042649	PHẠM NHƯ' HÀ AN	07/09/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	08.00	05.80	0.00	21.60
85	02061772	TRẦN THỊ MỸ AN	10/12/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.60	06.75	07.25	0.00	21.60
86	47009664	PHẠM THỊ ĐÔNG QUY	23/12/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	08.50	05.20	0.50	21.60
87	02057545	LÊ THANH THÀNH	12/10/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	07.00	07.00	0.00	21.60
88	40017933	NGUYỄN BÁ THỊNH	01/09/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	08.20	07.25	05.40	0.75	21.60
89	48026172	PHẠM THỊ THANH TUYỀN	09/05/2001	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	07.75	06.00	0.25	21.60
90	40007805	TRẦN THỊ THU HIỀN	02/09/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	08.00	08.00	04.80	0.75	21.55
91	42001601	NGUYỄN XUÂN LỘC	02/02/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.80	06.25	06.75	0.75	21.55
92	02044315	LÃNG CHÍ TÂM	13/08/2002	Nam	06	3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.80	06.75	07.00	1.00	21.55

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
93	02019628	TĂNG THỊ THU THẢO	21/05/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.80	07.00	07.75	0.00	21.55
94	37012056	PHAN THỊ THU NGÀ	05/04/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	09.00	06.00	06.00	0.50	21.50
95	41003438	LÊ NGUYỄN NHẬT NGUYỄN	27/05/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.00	07.25	05.75	0.50	21.50
96	02045948	HUỖNH NHƯ QUỲNH	06/05/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	07.50	06.60	0.00	21.50
97	49011011	PHẠM THỊ NGỌC DUYÊN	22/04/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.20	05.25	07.50	0.50	21.45
98	43000691	PHAN BÁ LÂM	18/06/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.20	05.75	07.75	0.75	21.45
99	43005273	HOÀNG NGỌC MAI LINH	26/09/2002	Nữ	01	1	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.40	06.50	04.80	2.75	21.45
100	02037404	NGUYỄN THANH PHONG	30/12/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.20	07.25	05.75	0.25	21.45
101	02002204	HUỖNH ANH	05/03/2002	Nam	06	3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.40	06.00	07.00	1.00	21.40
102	35005911	VÕ THÙY DUYÊN	18/01/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.20	07.50	05.20	0.50	21.40
103	02020204	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG THẢO	23/02/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	07.00	06.60	0.00	21.40
104	40000527	VÕ THỊ MỸ ANH	17/05/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	08.00	05.00	0.75	21.35
105	39004553	NGUYỄN HỮU THÀNH DANH	14/04/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.60	06.00	06.25	0.50	21.35
106	02032296	NGUYỄN YẾN NHI	21/10/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.60	05.75	07.75	0.25	21.35
107	02044258	TRẦN THANH NGỌC QUÍ	08/05/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.60	06.00	07.75	0.00	21.35
108	42004893	NGUYỄN THANH TÚ TRANG	20/11/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.80	05.75	07.00	0.75	21.30
109	49008519	NGUYỄN BÙI THU HỒNG	19/05/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.00	08.75	05.00	0.50	21.25
110	02034099	NGUYỄN THANH NGÂN	19/01/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.80	08.00	05.20	0.25	21.25
111	47007661	BÙI THANH TUYỀN	24/12/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	08.50	04.20	0.75	21.25
112	02050655	PHAN THU HẠNH	31/07/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.40	07.00	05.80	0.00	21.20
113	40006616	PHẠM TRUNG HIẾU	16/07/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	08.40	07.25	04.80	0.75	21.20
114	02056191	TRẦN THỊ BÍCH HƯƠNG	23/10/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	08.00	06.00	0.00	21.20
115	47000652	NGUYỄN THỊ MINH THANH	24/02/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.80	06.75	05.40	0.25	21.20
116	46001799	NGUYỄN TRẦN BÍCH TRÂM	07/04/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	07.75	06.00	0.25	21.20

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
117	48000832	NGUYỄN THỤY VÂN ANH	26/02/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	08.00	04.80	0.75	21.15
118	47008850	NGUYỄN HỮU HOÀI	22/01/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	08.00	05.00	0.75	21.15
119	63000573	NGUYỄN PHI LÂM	20/03/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.40	06.75	06.25	0.75	21.15
120	39005364	NGUYỄN NHẬT NGUYỄN	14/07/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.20	07.25	05.20	0.50	21.15
121	35008740	NGUYỄN NỮ BẢO TRÂM	18/04/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	06.00	06.80	0.75	21.15
122	02044533	PHẠM CHÍ CƯỜNG	13/01/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.60	06.25	07.25	0.00	21.10
123	53009536	LÊ THỊ NGỌC HÂN	10/02/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	08.00	04.60	0.50	21.10
124	02003478	ĐÀO QUANG THÀNH	16/04/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.00	07.50	06.60	0.00	21.10
125	46005869	NGUYỄN PHƯƠNG THANH THẢO	23/10/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.40	07.00	06.20	0.50	21.10
126	02023381	VŨ PHƯƠNG UYÊN	27/01/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.80	06.50	06.75	0.00	21.05
127	02035478	ĐOÀN TRƯƠNG TRIỀU VĨ	11/09/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.80	06.00	07.00	0.25	21.05
128	02040278	LÊ MINH ANH	10/07/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.20	06.00	06.75	0.00	20.95
129	43009133	LÊ THỊ KIM DUNG	04/08/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	07.25	05.40	0.50	20.95
130	02051622	TRẦN MINH MÃN	07/12/2001	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	B00	06.20	08.25	06.50	0.00	20.95
131	42002209	NGUYỄN THỊ KIM NGUYỄN	08/04/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.20	07.00	06.00	0.75	20.95
132	02031851	NGUYỄN MẠNH HOÀNG SANG	15/12/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.60	06.50	06.60	0.25	20.95
133	30004182	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	24/08/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	07.25	06.00	0.25	20.90
134	40007850	LÊ CÔNG HÙNG	11/07/2001	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	08.00	07.75	04.40	0.75	20.90
135	50004063	MAI TRẦN MINH THƯ	24/06/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.40	07.83	06.40	0.25	20.88
136	02005856	TRẦN THANH NGỌC HÂN	10/12/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.00	07.25	06.60	0.00	20.85
137	02010426	ĐỒNG THỊ QUYÊN	10/06/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	07.00	05.80	0.00	20.80
138	42012025	LÊ THANH TRÚC	09/03/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	07.25	05.60	0.75	20.80
139	49007389	DƯƠNG THỊ CẨM TÚ	18/08/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	08.50	03.80	0.50	20.80
140	02044975	HUỲNH PHẠM THẢO VY	14/10/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.80	07.00	07.00	0.00	20.80

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
141	30003726	NGUYỄN THỊ TRÀ VY	06/02/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	07.25	05.00	0.75	20.80
142	02010033	VÕ LÊ NGỌC HUYỀN	13/12/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	07.75	05.00	0.00	20.75
143	02003752	LÊ ĐĂNG KHÁNH	03/05/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	08.40	06.75	05.60	0.00	20.75
144	50004605	NGUYỄN LÝ HOÀNG NHI	11/07/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	07.50	05.20	0.25	20.75
145	46004475	HỒ THỊ CẨM NHƯ	20/10/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.00	06.00	06.25	0.50	20.75
146	02058237	BÙI NGỌC CẨM TÚ	30/09/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.00	06.50	06.25	0.00	20.75
147	02020029	LÊ THỊ THU NGÂN	24/03/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.20	06.50	06.00	0.00	20.70
148	02045224	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	18/09/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.20	07.00	06.50	0.00	20.70
149	02020182	NGUYỄN HÙNG MẠNH TÂN	12/02/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	06.50	07.00	0.00	20.70
150	25018227	KIỀU TIẾN VINH	08/03/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.20	06.00	07.00	0.50	20.70
151	49012387	TRẦN ANH HÀO	09/09/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	06.75	05.80	0.50	20.65
152	44011286	AO ĐĂNG QUANG	21/01/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	08.75	04.00	0.50	20.65
153	24001508	NGUYỄN THỊ NGỌC QUYỀN	12/08/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.80	08.00	03.60	0.25	20.65
154	02029316	TRẦN NGỌC GIA HÂN	01/12/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.60	05.75	07.25	0.00	20.60
155	02024384	ĐÌNH TIẾN HÒA	30/10/2002	Nam	06	3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.20	07.00	04.40	1.00	20.60
156	32002879	NGUYỄN PHAN NAM	27/09/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.60	07.75	05.00	0.25	20.60
157	02020953	NGUYỄN HOÀNG TRÚC QUỲNH	19/04/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.60	06.50	05.50	0.00	20.60
158	37015568	TRẦN ANH TRÍ	31/03/2002	Nữ	06	2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	07.50	03.60	1.50	20.60
159	02020411	NGUYỄN BÙI HOÀNG ANH	02/06/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.80	06.75	07.00	0.00	20.55
160	02040559	DƯƠNG THỊ THÙY DƯƠNG	11/02/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	06.75	06.40	0.00	20.55
161	40003173	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHI	24/01/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.20	08.00	03.60	0.75	20.55
162	02066445	PHẠM PHƯƠNG THẢO	01/11/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.80	07.75	06.00	0.00	20.55
163	02030444	LƯƠNG THỊ THẢO HUYỀN	25/10/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	07.50	05.40	0.00	20.50
164	47001224	HUỲNH ĐẶNG KHANG NGUYỄN	09/11/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	07.00	05.20	0.50	20.50

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
165	02020803	NGUYỄN THỊ NGHĨA	10/05/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	07.25	05.20	0.00	20.45
166	02016461	HUỖNH HỒ MINH PHƯƠNG	08/02/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.20	07.25	06.00	0.00	20.45
167	02044343	NGUYỄN PHÚ THÀNH	17/01/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	07.25	05.20	0.00	20.45
168	32003389	HOÀNG THỊ THU TÌNH	20/10/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.20	06.75	07.25	0.25	20.45
169	02021285	NGUYỄN QUỲNH ANH	17/07/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	06.00	06.60	0.00	20.40
170	35000162	TRẦN ĐĂNG KHOA	11/01/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.40	06.50	05.00	0.50	20.40
171	35007004	TRẦN THỊ LỆ	06/09/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	06.50	06.20	0.50	20.40
172	02019208	LẠI THUY GIA LINH	24/06/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.40	06.00	08.00	0.00	20.40
173	48012284	BÙI THỊ XUÂN MAI	03/12/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.40	07.25	04.00	0.75	20.40
174	02061060	LÊ KIM NGÂN	02/08/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.40	06.25	06.75	0.00	20.40
175	58005714	NGUYỄN THỊ GIA NGÂN	04/03/2001	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	07.25	05.80	0.75	20.40
176	02072113	NGUYỄN MẠNH TIẾN	02/02/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.40	06.00	06.75	0.25	20.40
177	56002227	NGUYỄN THỊ CẨM XUYỀN	27/05/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.40	06.75	05.75	0.50	20.40
178	43002235	ĐẶNG PHẠM NGỌC OANH	28/11/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.60	07.25	05.75	0.75	20.35
179	32005952	LÊ THỊ NHƯ Ý	14/05/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	07.25	04.80	0.50	20.35
180	43006029	BÙI DUY GIÁP	14/07/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.80	07.25	05.50	0.75	20.30
181	02026244	ĐỖ QUỐC ANH	05/11/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.20	06.25	05.80	0.00	20.25
182	51002625	THÁI NGỌC PHÚ	21/09/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	09.00	03.80	0.25	20.25
183	02043091	HUỖNH KHƯƠNG TÂN	20/04/2002	Nam	06	3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	07.25	05.40	1.00	20.25
184	47005722	TRẦN VĂN VIỆT	28/03/2001	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	08.00	04.80	0.25	20.25
185	18008923	LẠI THỊ PHƯƠNG ÁNH	09/08/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	07.25	05.00	0.75	20.20
186	35006974	NGUYỄN THỊ THANH HIẾU	08/06/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.20	06.25	06.25	0.50	20.20
187	02045022	TRƯƠNG TUẤN KIẾT	20/01/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	08.00	05.60	0.00	20.20
188	53003277	VÕ THỊ DIỄM MY	01/08/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.00	08.75	04.20	0.25	20.20

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
189	49003844	TRẦN THỊ KIM NGÂN	07/10/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.20	06.25	06.50	0.25	20.20
190	02058278	HOÀNG PHƯƠNG UYÊN	06/06/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	07.00	05.40	0.00	20.20
191	47004102	HỒNG THỊ MỸ LINH	02/02/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	08.00	04.20	0.75	20.15
192	47004969	NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN	02/10/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	08.25	04.80	0.50	20.15
193	43003913	VŨ THỊ MỘC HƯƠNG	21/11/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.40	07.75	05.20	0.75	20.10
194	02001800	NGUYỄN VÕ HOÀNG LONG	10/09/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.60	06.25	07.25	0.00	20.10
195	02017503	TRẦN DIỆU MY	06/10/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.80	06.50	06.80	0.00	20.10
196	02032441	HUỖNH PHÚC TIỀN	06/03/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.60	06.50	05.75	0.25	20.10
197	02030282	PHẠM THÙY TRANG	12/05/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.60	05.75	06.75	0.00	20.10
198	02013921	ĐẶNG VĂN BÌNH	18/11/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.80	06.75	05.50	0.00	20.05
199	02008808	VÕ TRẦN NGỌC HUY	25/09/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	07.25	05.00	0.00	20.05
200	46005663	PHAN THỊ CẨM NHIÊN	28/02/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.80	06.00	05.75	0.50	20.05
201	02001311	ĐÀO KIM ÁNH	02/06/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	08.00	04.80	0.00	20.00
202	46003580	PHẠM ĐÌNH HỢP	01/01/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	07.50	04.00	0.50	20.00
203	35008128	TRẦN THỊ NHƯ KIỀU	06/08/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	08.00	06.50	05.00	0.50	20.00
204	02020851	PHẠM THỊ HUỖNH NHI	15/03/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	06.00	06.60	0.00	20.00
205	02041834	PHAN THỊ THANH TÂM	02/06/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	B00	08.00	07.75	04.25	0.00	20.00
206	02044571	NGUYỄN SỸ ĐAN	22/07/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	06.75	05.20	0.00	19.95
207	61001163	CAO LÂM NHƯ NGUYỄN	27/12/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.60	08.00	05.60	0.75	19.95
208	02018956	VÕ DUY TÔNG	02/12/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.20	05.75	07.00	0.00	19.95
209	02050832	NGUYỄN NHẬT HẢO	02/08/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.40	06.50	05.00	0.00	19.90
210	02058828	TRỊNH THU HUYỀN	13/11/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	07.50	04.60	0.00	19.90
211	02073904	NGUYỄN HOÀNG NHÂN	23/01/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.40	06.00	07.50	0.00	19.90
212	02032032	TRẦN VĂN CẢNH	04/08/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	07.00	05.00	0.25	19.85

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
213	40006768	TRỊNH TUYẾT MINH	04/07/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.80	06.50	04.80	0.75	19.85
214	02017871	NGUYỄN PHAN THỊ HỒNG THI	27/06/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	07.25	06.00	0.00	19.85
215	46007119	NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	01/07/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.00	07.75	04.60	0.50	19.85
216	02038348	TÔN THẮT TRỌNG	23/09/2000	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.20	07.25	04.40	0.00	19.85
217	47010720	TRẦN NGUYỄN YẾN VI	04/01/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	07.00	04.80	0.25	19.85
218	02069340	PHAN THỊ DIỆU HIỀN	08/06/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.80	06.50	06.25	0.25	19.80
219	35008232	TRẦN ANH QUANG	01/09/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.20	07.25	03.60	0.75	19.80
220	02004993	LÊ NGUYỄN THANH TÂM	15/12/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	07.00	05.40	0.00	19.80
221	29010233	NGUYỄN THỊ LÊ NA	06/02/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	B00	08.00	06.00	05.25	0.50	19.75
222	02035810	PHÙNG BÁ PHÁT	16/06/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.00	06.50	06.00	0.25	19.75
223	52011294	LÊ THỊ THU THẢO	18/12/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.00	06.25	04.75	0.75	19.75
224	02030251	PHẠM NGỌC HOÀI THƯƠNG	04/12/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.00	06.25	06.50	0.00	19.75
225	02073244	TRƯƠNG THANH ĐỨC	24/08/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.20	06.50	05.00	0.00	19.70
226	02026972	NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG KHÔI	10/09/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.20	06.75	06.75	0.00	19.70
227	40008228	LÊ TRẦN THÚY NGÂN	10/02/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	07.75	04.60	0.75	19.70
228	02056525	LÊ UYÊN NHI	25/09/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.80	07.50	05.40	0.00	19.70
229	02071060	PHẠM TRÚC PHƯƠNG	22/06/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	06.25	05.80	0.25	19.70
230	46004805	LÝ GIA BẢO	06/03/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.00	05.75	06.40	0.50	19.65
231	48002459	NGUYỄN THỊ THANH CHÚC	23/08/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	06.50	05.40	0.50	19.60
232	35004689	ĐỖ THỊ YẾN KHA	11/01/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	07.75	04.00	0.25	19.60
233	02041557	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	10/01/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.60	06.25	06.00	0.75	19.60
234	42011857	NGUYỄN THỊ QUỲ LY	13/09/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	07.25	05.00	0.75	19.60
235	02022229	TRƯƠNG KHÁNH NGÂN	16/03/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	07.00	05.00	0.00	19.60
236	02063572	PHAN HOÀNG PHÚC	26/06/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	07.00	06.00	0.00	19.60

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
237	02064199	TRẦN TRƯỞNG VĂN TIẾN	09/06/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	06.00	05.80	0.00	19.60
238	42003840	TRỊNH ĐỨC TIẾN	23/04/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	07.25	04.00	0.75	19.60
239	02060628	TRẦN ĐĂNG KHOA	26/06/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	06.75	05.00	0.00	19.55
240	01017793	PHẠM HOÀNG BẢO NGÂN	04/02/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.80	07.75	05.00	0.00	19.55
241	02064262	PHẠM THỊ BÍCH TRÂM	13/10/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.80	06.75	06.00	0.00	19.55
242	45003869	LÝ THỊ MINH Tú	17/05/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	08.00	04.20	0.75	19.55
243	02036682	DIỆP ĐẶNG BẢO KIỀU NGÀ	18/08/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	06.25	05.00	0.25	19.50
244	02045154	TRẦN THANH NGÂN	30/01/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.00	07.50	05.00	0.00	19.50
245	48025045	NGUYỄN KHÁNH TRUNG	01/06/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.00	05.75	06.00	0.75	19.50
246	46000365	HUỲNH TRÚC GIANG	04/08/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.20	06.25	05.75	0.25	19.45
247	47005089	NGUYỄN QUỐC KHA	09/10/2002	Nam	01	1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.80	06.50	03.40	2.75	19.45
248	02017738	PHẠM VŨ QUỲNH NHƯ	31/03/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.20	07.00	06.25	0.00	19.45
249	02044272	LÊ THỊ DIỄM QUỲNH	24/05/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.20	06.00	07.25	0.00	19.45
250	48005094	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	02/08/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.80	07.25	04.60	0.75	19.40
251	42012224	ĐOÀN THỊ KIM NGỌC	22/10/2001	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.00	07.25	04.40	0.75	19.40
252	02062539	LÊ HUỲNH TRUNG HIẾU	26/04/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	05.75	06.20	0.00	19.35
253	02041217	LÊ MINH VIỆT HOÀNG	05/06/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.60	05.50	06.00	0.25	19.35
254	04003193	ĐINH THỊ KIM PHƯƠNG	10/09/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	06.75	04.60	0.00	19.35
255	40013735	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	01/05/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	07.75	03.60	0.75	19.30
256	02033091	ĐOÀN THÀNH	29/09/2001	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	07.25	04.20	0.25	19.30
257	02005033	LÊ THỊ HIẾU THẢO	12/09/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.20	06.50	04.60	0.00	19.30
258	02056766	NGUYỄN BẢO TRÂM	19/08/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	06.50	05.40	0.00	19.30
259	02042714	HOÀNG TIẾN DŨNG	10/10/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	07.25	05.40	0.00	19.25
260	48008010	NGUYỄN PHI HÙNG	18/09/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	07.50	03.00	0.75	19.25

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm UT	Điểm TT
261	02039232	TRẦN QUANG THÁI	17/12/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	06.25	05.40	0.00	19.25
262	46007158	ĐỖ MẠNH TRÍ	15/04/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	06.75	04.80	0.50	19.25
263	26014129	NGUYỄN THỊ KIỀU LINH	07/11/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.00	06.75	05.20	0.25	19.20
264	49011642	NGUYỄN THANH NHÂN	26/11/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.20	07.50	05.00	0.50	19.20
265	49007024	NGUYỄN MAI TÚ NHƯ	14/01/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.20	06.25	04.25	0.50	19.20
266	02071399	TRẦN ĐÀO THÁI AN	08/12/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.40	05.75	05.75	0.25	19.15
267	45003641	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	05/07/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	06.00	04.60	0.75	19.15
268	35007305	PHAN THỊ THU HƯỜNG	29/08/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	07.25	04.80	0.50	19.15
269	42006363	LÊ THỊ HÀ	19/05/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.80	06.75	04.80	0.75	19.10
270	02018781	VÒNG NHỰT HẠ	07/07/2002	Nữ	06	3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	06.50	04.00	1.00	19.10
271	40015950	HUỲNH THỊ NGỌC QUỲNH	13/09/2001	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.40	07.75	04.20	0.75	19.10
272	02018969	NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC TRÂM	15/01/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.60	06.50	06.00	0.00	19.10
273	29003253	NGUYỄN THỊ THẢO NHI	06/08/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	07.50	03.40	0.75	19.05
274	02055048	TÔ LINH SAN	01/02/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	07.25	05.20	0.00	19.05
275	02027536	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	07/09/2001	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.40	07.25	05.40	0.00	19.05
276	02021117	NGUYỄN HỮU THIÊN TRÍ	01/12/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	07.25	04.20	0.00	19.05
277	43006382	NGUYỄN THỊ YẾN TUYẾT	01/01/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.00	07.50	02.80	0.75	19.05
278	02005961	NGUYỄN HỒNG HUY	10/02/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	08.00	04.00	07.00	0.00	19.00
279	02012947	NGUYỄN TRUNG QUÂN	18/10/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	07.00	04.80	0.00	19.00
280	02002578	NGUYỄN VƯƠNG THANH TRÚC	10/05/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.40	06.00	06.60	0.00	19.00
281	18011707	ĐINH THỊ HOÀI	27/08/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	07.00	04.00	0.75	18.95
282	52007725	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯƠNG	16/11/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	07.50	03.80	0.25	18.95
283	02021744	LÊ NGUYỄN ĐÌNH TOÀN	04/06/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.80	06.75	06.40	0.00	18.95
284	45004471	PHẠM THỊ THẢO TRANG	23/06/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	06.50	05.00	0.25	18.95

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
285	37010898	PHẠM THỊ MỸ DUNG	27/09/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.20	07.00	03.20	0.50	18.90
286	02026909	NGUYỄN THANH VY	29/03/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.40	06.50	05.00	0.00	18.90
287	02036229	BÙI THỊ HẠNH	01/12/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.00	07.00	04.60	0.25	18.85
288	29004042	CHU THỊ NGỌC SƯƠNG	30/07/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.00	07.75	03.60	0.50	18.85
289	02044865	TRẦN LAN TRINH	30/10/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.60	07.50	04.75	0.00	18.85
290	35005101	ĐOÀN DUY TỪ	24/07/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	B00	06.60	06.75	05.25	0.25	18.85
291	02056922	NGUYỄN THÚY AN	15/09/2002	Nữ	06	3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.20	07.00	04.60	1.00	18.80
292	61003842	NGUYỄN QUỐC HIỆN	15/01/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	07.25	03.20	0.75	18.80
293	40004354	NGÔ THỊ KIM NGÀ	28/07/2001	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	06.25	04.60	0.75	18.80
294	02055600	TRẦN VĨNH PHÁT	13/08/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	07.00	05.20	0.00	18.80
295	44007408	VÕ TRÚC GIANG	20/10/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.80	07.50	04.20	0.25	18.75
296	02061208	NGUYỄN QUỐC PHÁT	19/06/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.00	04.50	07.25	0.00	18.75
297	02045447	PHẠM NGỌC THÙY	07/12/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.00	06.50	06.25	0.00	18.75
298	02040081	ĐỖ THỊ THÙY TRANG	06/10/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.00	07.00	05.60	0.00	18.60
299	46005427	NGUYỄN PHƯƠNG VY	10/08/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.80	06.00	06.00	0.75	18.55
300	28030113	PHẠM THU HẰNG	27/02/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.00	05.25	05.75	0.50	18.50
301	35000044	LÊ TẤN PHÚC DUY	10/06/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.20	06.25	05.50	0.50	18.45
302	49009659	TẶNG QUỐC HƯNG	09/09/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.40	06.50	04.00	0.50	18.40
303	39005546	PHAN THỊ MỸ TÂM	16/09/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.00	06.50	04.40	0.50	18.40
304	40005778	ĐOÀN THỊ THẢO MY	05/12/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.80	06.00	04.80	0.75	18.35
305	53009308	LÊ NGỌC TRẦN	17/04/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.60	05.75	05.75	0.25	18.35
306	32005682	CÁP XUÂN LỊCH	01/01/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	07.00	04.20	0.50	18.30
307	02020869	PHẠM ÁNH NHƯ	13/06/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	06.50	05.20	0.00	18.30
308	02040213	HỒ TƯỜNG VY	31/01/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	06.20	06.50	05.60	0.00	18.30

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
309	02038930	TRẦN THANH NHÃ	25/07/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	08.20	06.25	03.80	0.00	18.25
310	02043384	NGUYỄN THỊ CHÚC	29/06/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	07.00	04.60	0.00	18.20
311	35008479	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	25/02/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.20	06.50	05.00	0.50	18.20
312	02074146	NGUYỄN THỊ THU TRÂM	05/03/2000	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	04.20	07.00	07.00	0.00	18.20
313	02058352	ĐINH LÊ HÒA ANH	31/12/1998	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.20	06.50	04.40	0.00	18.10
314	39005018	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	02/11/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.60	05.75	05.25	0.50	18.10
315	02039262	BÙI THỊ THẢO	04/10/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.40	07.25	04.20	0.25	18.10
316	35006460	TRẦN THỊ THANH TRÚC	22/08/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.60	05.25	04.75	0.50	18.10
317	02043993	BÙI CHÂU TUYẾT MAI	20/11/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	08.00	05.25	04.80	0.00	18.05
318	42008832	ĐẶNG THỊ NGỌC THU'	06/06/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.60	05.50	04.20	0.75	18.05
319	02039730	LÊ KHẮC LONG	16/11/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.80	06.00	04.20	0.00	18.00
320	49007006	VÕ THỊ YẾN NHI	27/12/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.20	07.50	03.80	0.50	18.00
321	37002750	MUỖN CHÂU THÀNH	10/10/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.20	05.00	05.50	0.25	17.95
322	02066874	NGÔ THỊ NGỌC TRÚC	11/01/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	07.75	03.60	0.00	17.95
323	39003922	PHAN THANH LƯƠNG	26/11/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.40	05.25	04.75	0.50	17.90
324	02056496	PHAN HOÀNG TÚ NGỌC	26/11/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.60	05.00	05.25	0.00	17.85
325	29001445	NGUYỄN VĂN HOÀNG	21/04/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.60	06.25	03.40	0.50	17.75
326	02042839	HUỖNH CHÍ KHANG	01/07/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.00	05.25	05.50	0.00	17.75
327	02045199	NGUYỄN THỊ VINH NHÂN	02/11/2001	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.20	05.75	05.75	0.00	17.70
328	43007498	LÊ THỊ THANH TÂM	23/08/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.20	07.75	04.00	0.75	17.70
329	29001404	ĐẶNG BÁ HIẾU	01/04/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.00	06.75	03.40	0.50	17.65
330	02034932	LÊ THỊ HÀ THU	17/02/2001	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	06.00	04.20	0.25	17.65
331	02018384	NGUYỄN NGỌC XUÂN TRANG	29/10/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.80	05.75	04.60	0.50	17.65
332	35009352	TRẦN THỊ THẢO VÂN	12/01/2001	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.40	04.75	06.00	0.50	17.65

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
333	40006021	VÕ THỊ PHƯƠNG	30/04/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	05.80	05.25	05.75	0.75	17.55
334	46001210	ĐÀO DUY TIỀN	19/03/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.80	05.00	04.50	0.25	17.55
335	40008077	DƯƠNG THỊ VI	13/02/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	05.50	04.60	0.75	17.45
336	02033526	LÊ HOÀNG HẢI	13/07/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	06.75	03.80	0.25	17.40
337	35008488	TRẦN THÚY HẬU	28/02/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.00	06.50	03.40	0.50	17.40
338	53008017	PHẠM HOÀNG NGỌC MAI	03/03/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	07.20	05.75	04.20	0.25	17.40
339	02013704	TRẦN MINH THÔNG	05/01/2001	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.00	07.00	04.40	0.00	17.40
340	02007273	VÕ THANH DŨNG	05/06/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.20	06.75	04.40	0.00	17.35
341	53007438	LÊ THỊ TUYẾT PHƯƠNG	07/01/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.00	05.50	05.50	0.25	17.25
342	48000741	NGUYỄN THỊ LAN ANH	06/03/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	05.50	04.60	0.50	17.20
343	02039718	NGUYỄN NGỌC DUY LINH	08/07/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.40	07.00	03.80	0.00	17.20
344	02042463	NGUYỄN NGỌC THANH	05/09/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	07.00	03.00	0.00	17.20
345	30015036	NGUYỄN VÕ TOÀN TÂM	08/09/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.00	07.00	03.40	0.75	17.15
346	50004476	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	12/06/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	04.20	08.00	04.60	0.25	17.05
347	02006976	NGUYỄN NGỌC THÁI	30/12/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.00	04.25	05.75	0.00	17.00
348	48005378	PHAN THỊ HỒNG HÀ	25/09/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.20	05.75	03.75	0.25	16.95
349	49001288	NGUYỄN MINH CHÁNH	19/06/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.80	06.75	03.80	0.50	16.85
350	02007958	ĐINH TRẦN THANH LOAN	14/12/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.40	06.25	05.20	0.00	16.85
351	02025311	VŨ NGỌC PHƯƠNG THẢO	30/10/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	06.60	05.25	05.00	0.00	16.85
352	02021741	NGUYỄN TRƯƠNG CÔNG TOẠI	14/02/2002	Nam		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.40	07.25	04.20	0.00	16.85
353	02043391	LƯƠNG NGỌC CÚC	10/01/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	06.40	06.00	04.40	0.00	16.80
354	01068538	PHÙNG LAN HƯƠNG	14/02/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	05.75	03.00	0.25	16.80
355	02038836	HUỲNH NGUYỄN TRÚC NGÂN	12/05/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.40	06.75	03.60	0.00	16.75
356	02045145	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	14/12/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	05.75	04.40	0.00	16.75

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
357	02011609	NGUYỄN TRẦN ANH THY	15/05/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	B00	06.00	05.50	05.25	0.00	16.75
358	48008683	NGUYỄN THANH HUYỀN	18/05/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.20	07.75	03.00	0.75	16.70
359	40005722	LÊ THỊ HƯƠNG LY	22/12/2002	Nữ		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.80	06.75	03.40	0.75	16.70
360	02009081	ĐẶNG MINH TÂN	28/08/2002	Nam	06	3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.00	07.25	02.40	1.00	16.65
361	35009969	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT	02/02/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.20	06.50	03.40	0.50	16.60
362	02056566	TRẦN CHÂU VẠN PHÁT	20/12/2002	Nam	06	3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.80	06.00	03.80	1.00	16.60
363	45005471	TÔN NỮ NGỌC THẢO	27/11/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.60	06.75	03.00	0.25	16.60
364	02044455	LÊ TRẦN KIM ANH	01/10/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	06.80	05.00	04.75	0.00	16.55
365	43009279	HUỖNH TRỌNG NGHĨA	06/09/2002	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.80	06.00	03.00	0.75	16.55
366	02021125	NGUYỄN THỊ THU TRÚC	05/09/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.60	06.75	04.20	0.00	16.55
367	50010146	PHAN THỊ KIỀU	24/12/2001	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.40	07.00	02.60	0.50	16.50
368	53000317	NGUYỄN Ý NHI	09/06/2002	Nữ		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.20	06.00	04.80	0.50	16.50
369	02066808	NGUYỄN THỊ DIỄM TRÂM	18/03/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.20	06.25	04.00	0.00	16.45
370	49008360	HUỖNH TÂN TRUNG	13/03/2002	Nam		2NT	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	07.40	03.25	05.25	0.50	16.40
371	30004166	NGUYỄN THỊ KỲ DUYÊN	23/04/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.80	04.50	03.80	0.25	16.35
372	02033588	NGUYỄN TRUNG HIẾU	25/04/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.00	05.50	04.60	0.25	16.35
373	02019119	HÀ THỊ HUỆ HƯƠNG	26/03/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.60	06.75	04.00	0.00	16.35
374	46006520	PHẠM DUY TÌNH	10/10/2001	Nam		1	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	07.20	06.00	02.40	0.75	16.35
375	02026692	TRƯƠNG THỊ MỸ TIỀN	08/09/2002	Nữ		3	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	06.00	06.25	04.00	0.00	16.25
376	49002944	BÙI THỊ THANH TUYỀN	07/11/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.60	06.50	03.80	0.25	16.15
377	48007555	NGUYỄN NHƯ' KIM HOÀNG	01/08/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	B00	07.60	04.50	03.75	0.25	16.10
378	50006994	ĐÀO VĨ KHANG	27/08/2002	Nam		2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	05.80	05.25	04.75	0.25	16.05

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm UT	Điểm TT
379	47010547	NGUYỄN NHẬT PHƯƠNG	07/03/2002	Nữ		2	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	05.40	06.75	03.60	0.25	16.00

Tổng số: 379 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH ĐỊA CHẤT HỌC

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm UT	Điểm TT
1	35006405	TRẦN QUỐC TIỀN	17/09/2002	Nam		2NT	7440201	Địa chất học	A00	07.60	07.00	08.75	0.50	23.85
2	48013636	NGÔ THANH NGÂN	21/07/2002	Nữ		2	7440201	Địa chất học	A00	07.40	07.00	08.25	0.25	22.90

Tổng số: 2 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH KHÍ TƯỢNG VÀ KHÍ HẬU HỌC

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm UT	Điểm TT
1	04005949	PHÙNG PHAN NHƯ QUỲNH	03/02/2002	Nữ		3	7440221	Khí tượng và khí hậu học	A00	08.80	07.75	08.25	0.00	24.80
2	38007593	ĐOÀN TRÚC LINH	29/09/2002	Nữ		1	7440221	Khí tượng và khí hậu học	D01	08.80	08.25	06.60	0.75	24.40
3	02001006	LÊ TUẤN PHÁT	29/07/2002	Nam		3	7440221	Khí tượng và khí hậu học	A00	07.80	07.50	07.00	0.00	22.30
4	02035722	PHẠM NGUYỄN HỒNG NGỌC	27/08/2002	Nữ		2	7440221	Khí tượng và khí hậu học	D01	07.80	06.50	07.00	0.25	21.55
5	40015820	VÀNG VĂN HUY	18/09/2002	Nam	01	1	7440221	Khí tượng và khí hậu học	D01	07.00	06.75	05.00	2.75	21.50
6	61003490	NGUYỄN ĐẮNG HUYNH	10/06/1995	Nam	07	2NT	7440221	Khí tượng và khí hậu học	B00	07.20	06.50	06.25	1.50	21.45
7	02056926	PHÙNG NGUYỄN THÙY AN	04/01/2002	Nữ		3	7440221	Khí tượng và khí hậu học	D01	08.00	07.00	06.20	0.00	21.20
8	52011400	PHẠM LAN ANH	01/03/2002	Nữ		2NT	7440221	Khí tượng và khí hậu học	D01	06.80	07.50	05.40	0.50	20.20
9	42005520	DƯƠNG MAI TRÀ MY	13/09/2002	Nữ		1	7440221	Khí tượng và khí hậu học	D01	07.20	06.00	04.80	0.75	18.75
10	57009220	LÊ NHỰT THÀNH	25/09/2002	Nam		2NT	7440221	Khí tượng và khí hậu học	D01	06.80	06.00	04.60	0.50	17.90
11	45000565	PHAN THỊ HOÀI ÂN	02/12/2002	Nữ		2	7440221	Khí tượng và khí hậu học	D01	06.80	07.00	03.40	0.25	17.45
12	58001980	HUỲNH CHÍ DANH	06/11/1996	Nam		2NT	7440221	Khí tượng và khí hậu học	D01	06.40	06.00	04.20	0.50	17.10
13	02039486	LÊ NGUYỄN NGỌC DUNG	27/10/2002	Nữ		3	7440221	Khí tượng và khí hậu học	B00	06.20	05.50	05.00	0.00	16.70
14	02063461	LÊ THU UYÊN NHI	21/09/2002	Nữ		3	7440221	Khí tượng và khí hậu học	D01	06.80	06.25	03.40	0.00	16.45
15	45005042	VÕ THÚY HẰNG	16/04/2002	Nữ		2NT	7440221	Khí tượng và khí hậu học	D01	06.40	05.50	02.40	0.50	14.80

Tổng số: 15 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH THỦY VĂN HỌC

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
1	54008823	TRẦN HUYỀN TRẦN	28/07/2002	Nữ		2	7440224	Thủy văn học	A00	07.40	05.00	06.75	0.25	19.40
2	51009416	BÙI NHỰT KHANG	10/02/2002	Nam		2NT	7440224	Thủy văn học	B00	05.60	06.75	05.25	0.50	18.10
3	02023923	ĐẶNG DI TÂN	20/10/2001	Nam		3	7440224	Thủy văn học	A00	05.00	04.25	06.00	0.00	15.25

Tổng số: 3 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
1	46000718	NGÔ THANH HÙNG	14/02/2002	Nam	01	2	7440298	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	D01	07.80	07.25	06.40	2.25	23.70
2	02062804	HOÀNG THỊ NHẬT LINH	06/01/2002	Nữ		3	7440298	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	D01	05.60	06.75	02.20	0.00	14.55

Tổng số: 2 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
1	02036428	LÝ NGUYỄN TẤN TRỌNG	02/11/2002	Nam		2	7480104	Hệ thống thông tin	D01	08.40	07.00	08.60	0.25	24.25
2	46005827	NGUYỄN HỮU TÀI	19/12/2002	Nam		2NT	7480104	Hệ thống thông tin	A00	08.20	07.25	06.75	0.50	22.70
3	02057878	PHAN THÀNH NHÂN	01/10/2002	Nam		3	7480104	Hệ thống thông tin	D01	08.00	07.00	06.60	0.00	21.60
4	35005142	VÕ THỊ BÍCH VY	25/01/2002	Nữ		2	7480104	Hệ thống thông tin	A00	08.00	06.50	05.75	0.25	20.50
5	44009354	TRẦN HỮU HẬU	18/01/2002	Nam		2NT	7480104	Hệ thống thông tin	D01	07.20	08.50	04.20	0.50	20.40
6	48019834	VŨ TRẦN TẤN	26/08/2002	Nam		2	7480104	Hệ thống thông tin	D01	07.20	06.50	05.60	0.25	19.55
7	49004635	NGUYỄN THỊ MẠNH HUYỀN	26/09/2002	Nữ		2NT	7480104	Hệ thống thông tin	D01	07.00	07.50	04.20	0.50	19.20
8	02026995	TRẦN LÂM MỸ KIM	09/03/2002	Nữ		3	7480104	Hệ thống thông tin	D01	07.20	07.00	04.80	0.00	19.00
9	02020732	BÙI THÀNH LUÂN	18/08/2002	Nam		3	7480104	Hệ thống thông tin	A00	07.60	04.75	06.50	0.00	18.85
10	53003210	NGÔ CẨM HƯƠNG	26/09/2002	Nữ		2	7480104	Hệ thống thông tin	D01	06.60	06.75	05.00	0.25	18.60
11	49009872	PHẠM HẢI ĐĂNG	02/11/2002	Nam		2NT	7480104	Hệ thống thông tin	D01	07.20	06.75	03.60	0.50	18.05
12	53007961	LÊ GIA KHÔI	18/06/2002	Nam		2	7480104	Hệ thống thông tin	D01	06.60	06.25	04.80	0.25	17.90
13	45005552	ĐẶNG HOÀNG ANH THU'	08/02/2002	Nữ		2	7480104	Hệ thống thông tin	D01	06.80	06.75	03.60	0.25	17.40
14	45000786	LÊ THỊ THANH HẢO	22/08/2002	Nữ		2	7480104	Hệ thống thông tin	D01	05.80	07.75	03.20	0.25	17.00
15	49013248	LÊ MINH THẠNH	07/11/2002	Nam		2NT	7480104	Hệ thống thông tin	D01	06.20	06.00	04.20	0.50	16.90
16	02037540	LÝ THỊ KIỀU TIỀN	09/11/2002	Nữ		2	7480104	Hệ thống thông tin	D01	05.40	07.00	04.00	0.25	16.65
17	02074117	HỒ TẤN THUẬN	31/08/2002	Nam		3	7480104	Hệ thống thông tin	A00	05.80	06.00	04.75	0.00	16.55
18	47002608	ĐẶNG LÊ KHẢ TÚ	08/11/2002	Nữ		2NT	7480104	Hệ thống thông tin	D01	05.20	07.00	03.00	0.50	15.70
19	02074157	PHẠM TẤN TRỌNG	28/12/2002	Nam		3	7480104	Hệ thống thông tin	A00	06.40	03.75	05.50	0.00	15.65

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
20	02021353	NGUYỄN BÌNH	27/08/2002	Nam		3	7480104	Hệ thống thông tin	D01	06.00	06.00	03.20	0.00	15.20
21	02001851	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG NAM	07/08/2002	Nam		3	7480104	Hệ thống thông tin	A01	04.80	05.25	05.00	0.00	15.05

Tổng số: 21 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
1	49009343	NGUYỄN ĐẠI PHÚ	16/01/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.20	08.50	08.20	0.50	24.40
2	63001582	NGUYỄN LÊ THẢO QUYÊN	12/04/2002	Nữ		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.40	08.25	06.40	0.75	23.80
3	35002037	LÊ THANH SANG	03/02/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.20	07.25	07.75	0.50	23.70
4	02006243	LÊ THIÊN PHÚC	22/12/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.80	08.00	07.75	0.00	23.55
5	52000114	LÊ VĂN DŨNG	07/02/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.00	07.75	07.50	0.25	23.50
6	02042262	NGUYỄN NGỌC LAN NHI	16/07/2002	Nữ		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.00	06.75	08.75	0.00	23.50
7	02026424	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	28/05/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.20	07.00	08.20	0.00	23.40
8	41012551	TRẦN QUANG HUY	06/08/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A01	08.60	07.25	07.00	0.50	23.35
9	42004423	LƯU THỊ THẢO NGUYỄN	14/07/2002	Nữ		1	7480201	Công nghệ thông tin	B00	08.00	07.25	07.25	0.75	23.25
10	60003899	NGUYỄN THỊ THÚY AN	15/01/2002	Nữ		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.20	07.00	07.50	0.50	23.20
11	02019715	NGUYỄN NGỌC HẢI ANH	10/06/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.20	07.25	07.60	0.00	23.05
12	02035298	ĐỖ PHƯỚC KHẢI	15/01/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	07.00	08.40	0.25	23.05
13	63001324	LÊ QUANG HIẾU	05/05/2001	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.40	06.75	08.00	0.75	22.90
14	49006418	LÊ THANH TÂN	14/05/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	09.00	07.50	05.75	0.50	22.75
15	45002908	PHẠM PHÚ ĐẠT	02/01/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.60	07.00	07.50	0.50	22.60
16	51013728	NGUYỄN NGỌC TÚ	11/03/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.60	06.00	07.50	0.50	22.60
17	44003658	NGUYỄN LƯƠNG THỦY DƯƠNG	08/11/2002	Nữ		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.00	07.25	08.00	0.25	22.50
18	02067638	NGUYỄN TRẦN ANH PHƯƠNG	10/08/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.00	07.25	08.25	0.00	22.50
19	02048574	NGUYỄN PHƯƠNG TÂM	20/06/2001	Nữ		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.60	07.50	07.40	0.00	22.50
20	41004242	TRẦN ĐĂNG TIẾN	15/01/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.40	07.25	06.25	0.50	22.40

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
21	02045624	CAO NHẬT HÀO	19/02/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	07.75	07.20	0.00	22.35
22	02073743	NGUYỄN VĂN LỘC	03/08/2001	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.60	07.25	07.50	0.00	22.35
23	02057080	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	26/11/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	08.20	06.50	07.60	0.00	22.30
24	60002787	LÝ HUỠNH THANH HẬU	14/05/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.00	07.25	07.25	0.75	22.25
25	52005977	NGUYỄN THÀNH HẬU	10/06/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.00	06.50	07.25	0.50	22.25
26	47005122	HOÀNG NHẬT MỸ	03/05/2002	Nữ	01	1	7480201	Công nghệ thông tin	B00	07.00	06.00	06.50	2.75	22.25
27	02057837	VÕ THANH NGHỊ	29/10/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.60	07.25	07.40	0.00	22.25
28	51014125	HUỠNH TÂN ĐẠT	11/10/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	B00	07.20	07.00	07.50	0.50	22.20
29	38001584	LÊ ĐĂNG HIẾU	21/01/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A01	08.00	07.25	06.20	0.75	22.20
30	38005365	TRẦN THANH LÂM	05/10/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.80	07.25	06.40	0.75	22.20
31	38002250	LA VĂN KHÁNH	09/04/2001	Nam	01	1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.20	06.75	05.40	2.75	22.10
32	47008158	NGÔ NGỌC KIM NGÂN	03/09/2002	Nữ		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.20	07.50	06.60	0.75	22.05
33	46005211	HUỠNH VÕ TUẤN LINH	05/04/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.00	07.50	06.00	0.50	22.00
34	47010460	HUỠNH KHẮC ANH LUÔN	12/10/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.00	06.75	08.00	0.25	22.00
35	02020995	NGUYỄN THÁI THÀNH	15/09/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.60	07.00	07.40	0.00	22.00
36	37012250	ĐẶNG VĂN TIẾN	22/12/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.20	07.00	06.25	0.50	21.95
37	02058156	VÕ NGUYỄN ĐỨC TOÀN	12/06/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	B00	08.20	07.50	06.25	0.00	21.95
38	45001984	PHAN ĐỨC TRƯỞNG	02/02/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.20	06.50	07.00	0.25	21.95
39	35002398	LÊ DUY KHÁNH	06/10/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	08.25	06.00	0.25	21.90
40	26004376	ĐỖ THÀNH LONG	14/08/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.60	05.25	07.50	0.50	21.85
41	48001530	HÀ CHÍ BẢO	17/10/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.80	06.75	06.75	0.50	21.80
42	02033584	BIỆN PHÚC HIẾU	28/07/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.80	07.00	06.75	0.25	21.80
43	47007879	VÕ XUÂN ANH TUẤN	24/06/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.80	07.75	06.00	0.25	21.80
44	44003594	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	01/07/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A01	08.00	07.50	06.00	0.25	21.75

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
45	48012035	TRẦN NGUYỄN LUÂN	17/05/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.00	07.00	06.00	0.75	21.75
46	49001933	NGUYỄN MINH TOÀN	23/12/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	07.75	06.00	0.50	21.65
47	02070702	TRẦN THANH HẢI	06/12/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.60	06.75	07.00	0.25	21.60
48	02057230	BÙI HENRY	14/04/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.80	07.25	06.50	0.00	21.55
49	47003117	PHẠM THỊ THẢO DƯƠNG	17/02/2001	Nữ		2	7480201	Công nghệ thông tin	B00	08.00	06.75	06.50	0.25	21.50
50	49010359	MAI NGUYỄN MINH BẢO	04/09/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.20	06.75	07.00	0.50	21.45
51	02035117	TRẦN QUANG BOON	15/01/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.60	06.75	06.80	0.25	21.40
52	02021624	NGUYỄN CÔNG HƯNG	13/05/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.60	07.25	06.50	0.00	21.35
53	35003975	ĐẶNG LÊ QUỲNH MAI	13/04/2002	Nữ		2	7480201	Công nghệ thông tin	A01	08.20	07.25	05.60	0.25	21.30
54	61007728	PHẠM YẾN NHƯ	20/10/2002	Nữ		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.60	07.75	05.20	0.75	21.30
55	43008820	MAI THANH HUY	28/10/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.20	06.25	07.00	0.75	21.20
56	02045401	NGUYỄN NGƯƠng HỒNG THẨM	27/01/2002	Nữ		3	7480201	Công nghệ thông tin	B00	07.20	07.25	06.75	0.00	21.20
57	46002810	HOÀNG THỊ HOA	27/09/2002	Nữ		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.60	08.25	05.80	0.50	21.15
58	36001944	TRẦN QUỐC HUY	27/07/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.00	06.75	05.60	0.75	21.10
59	46004345	NGUYỄN NAM KHỞI	23/04/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.60	06.75	06.25	0.50	21.10
60	02025984	NGUYỄN QUANG THANH	24/09/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	08.00	06.50	06.60	0.00	21.10
61	53006498	NGUYỄN THUY TRANG	31/07/2002	Nữ		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.00	08.00	04.60	0.50	21.10
62	02055827	ĐẶNG TRUNG TRỰC	26/08/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.80	07.50	05.80	0.00	21.10
63	47005127	ĐỒNG GIA NGHỆ	01/07/2002	Nam	01	1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.00	07.67	03.60	2.75	21.02
64	35000933	VÕ THỊ MỸ DUNG	10/09/2002	Nữ		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.80	07.50	05.20	0.50	21.00
65	02046056	TRƯƠNG THỊ HOÀNG ĐOAN TRANG	15/05/2002	Nữ		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.00	07.50	06.50	0.00	21.00
66	35012176	ĐẶNG VĂN CỐ	21/03/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.20	06.25	05.75	0.75	20.95
67	02019377	TRẦN LONG NHẬT	30/08/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.20	06.00	07.75	0.00	20.95
68	35009725	HUỲNH LONG VŨ	16/11/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.40	06.00	06.00	0.50	20.90

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
69	02018123	LÊ TRỌNG BẢO	09/06/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.80	06.50	07.50	0.00	20.80
70	48010978	HOÀNG NGUYỄN QUANG LINH	10/04/1999	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.60	07.25	05.20	0.75	20.80
71	02071760	TRẦN ĐÌNH MINH	17/04/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.00	07.50	05.00	0.25	20.75
72	48018975	PHẠM BÁ SÁNG	28/04/2001	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.60	07.00	05.40	0.75	20.75
73	02044651	VŨ VĂN HIỀN	28/06/2001	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.20	06.25	07.25	0.00	20.70
74	42011087	ĐINH XUÂN TÙNG	16/12/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.60	07.75	05.60	0.75	20.70
75	02074192	TRỊNH HOÀNG VIỆT	25/07/1999	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	08.80	05.50	06.40	0.00	20.70
76	47010326	NGUYỄN HỒNG PHÚC ĐĂNG	03/10/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	07.00	06.00	0.25	20.65
77	40008784	HOÀNG NGUYỄN THANH HOA	03/09/2002	Nữ		1	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.40	05.25	07.25	0.75	20.65
78	50000162	TRẦN HỒNG HOÀNG	15/06/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	B00	07.40	06.00	06.75	0.50	20.65
79	49002461	NGUYỄN ĐÌNH HUY	28/03/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	07.00	06.00	0.25	20.65
80	46005621	NGUYỄN HỮU NHÂN	09/12/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.40	07.25	05.25	0.75	20.65
81	42007609	TẠ QUANG THẮNG	22/01/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.40	06.50	05.00	0.75	20.65
82	47002517	UNG NHẬT THI	26/06/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.80	07.75	05.60	0.50	20.65
83	46007223	TRÀ THỊ THANH VÂN	29/01/2002	Nữ		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.40	07.75	04.00	0.50	20.65
84	39008650	NGUYỄN MẠNH HÙNG VĨ	12/03/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A01	08.20	06.50	05.60	0.25	20.55
85	40004019	NGUYỄN NGỌC LONG	11/07/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.60	06.58	05.60	0.75	20.53
86	40007179	NGUYỄN HOÀNG ANH	04/02/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.80	07.25	04.60	0.75	20.40
87	47003976	TRẦN NGỌC CƯỜNG	20/08/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.40	06.75	06.50	0.75	20.40
88	35005971	NGÔ VĂN HẬU	14/10/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.40	06.50	05.00	0.50	20.40
89	60004131	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	07/06/2002	Nữ		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.60	06.50	05.80	0.50	20.40
90	35004471	LÊ NGUYỄN TRÚC ÁI	02/02/2002	Nữ		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.20	08.00	04.40	0.75	20.35
91	51012648	NGUYỄN NHẬT MINH	29/01/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.60	08.25	04.00	0.50	20.35
92	02038593	NGUYỄN PHƯƠNG BẢO KHÁNH	14/06/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	07.25	05.40	0.25	20.30

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
93	50003446	NGÔ LÊ MINH THIỆN	04/01/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.60	08.00	05.20	0.50	20.30
94	02073202	NGUYỄN VĂN PHƯỚC ĐẠT	26/02/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.00	06.75	06.50	0.00	20.25
95	02019117	NGUYỄN TÂN HƯNG	01/09/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.60	07.25	05.40	0.00	20.25
96	44007890	TRỊNH QUANG MINH	30/11/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.80	06.75	05.40	0.25	20.20
97	28030761	PHẠM HỒNG AN	04/03/2002	Nữ		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	04.80	07.00	07.60	0.75	20.15
98	47007161	LÊ TRẦN DIỆU HÒA	22/02/2002	Nữ		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.80	07.00	04.60	0.75	20.15
99	39008805	TRẦN VĂN KHAN	04/07/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.20	06.00	05.20	0.75	20.15
100	02064214	NGUYỄN NGỌC TOÀN	04/06/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.00	06.75	07.40	0.00	20.15
101	43003771	LÊ PHẠM HÙNG TIẾN	14/07/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.00	05.75	05.60	0.75	20.10
102	02044534	BÙI ĐỨC DANH	22/05/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.60	06.25	06.20	0.00	20.05
103	50003404	DƯƠNG HỒNG PHONG	24/01/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.60	07.75	04.20	0.50	20.05
104	48027415	TRƯƠNG HOÀNG VŨ	17/02/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.80	06.50	05.00	0.75	20.05
105	02009033	LONG KIẾN QUANG	16/09/2002	Nam	06	3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.20	06.00	04.75	1.00	19.95
106	02045419	NGUYỄN NGỌC THIỆN	10/03/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	06.80	05.75	07.40	0.00	19.95
107	46006785	ĐẶNG DUY HẢI	04/04/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.40	07.00	05.00	0.50	19.90
108	02036877	HOÀNG VĂN SÁNG	17/02/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.80	08.25	04.60	0.25	19.90
109	45004614	NGUYỄN GIA ÂN	03/08/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.00	06.75	04.60	0.50	19.85
110	52001791	NGUYỄN THANH BẢO	24/01/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	B00	07.60	05.00	07.00	0.25	19.85
111	02018337	MẠCH QUÂN HÂN	09/12/2000	Nam	06	3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	06.60	06.25	06.00	1.00	19.85
112	35006014	PHẠM QUANG HUY	12/07/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.60	05.75	06.00	0.50	19.85
113	47010163	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	20/03/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	06.50	05.20	0.75	19.85
114	01045854	NGUYỄN THANH CHÀ	16/02/2002	Nữ		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	05.80	07.75	06.00	0.25	19.80
115	46004934	NGUYỄN LÊ THÀNH ĐẠT	14/05/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.20	05.50	06.60	0.50	19.80
116	02035199	VŨ MINH ĐỨC	23/06/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.80	07.00	05.75	0.25	19.80

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
117	02029187	HUỖNH QUỐC BẢO	09/08/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	06.60	05.75	07.40	0.00	19.75
118	02074595	NGUYỄN HOÀNG MINH TUẤN	02/06/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	B00	07.00	06.50	06.25	0.00	19.75
119	44005448	HÀ QUỐC BẢO	23/06/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.00	07.25	05.20	0.25	19.70
120	46006754	VÕ TẤN ĐẠT	10/04/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.20	06.25	05.75	0.50	19.70
121	02059645	ĐẶNG MINH THẮNG	05/02/2001	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	06.40	06.50	06.80	0.00	19.70
122	48005801	NGUYỄN NHẬT HẢO	07/04/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.40	07.00	04.50	0.75	19.65
123	41000467	LÊ XUÂN HIỆP	10/05/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.80	07.00	05.60	0.25	19.65
124	02061522	LA TOÀN TRUNG TÍN	19/12/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	06.20	06.00	07.40	0.00	19.60
125	53011808	LÊ THỊ CẨM TÚ	03/03/2002	Nữ		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.40	08.25	04.40	0.50	19.55
126	54001032	NGUYỄN KỶ ĐỒNG	27/03/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.00	06.75	05.00	0.75	19.50
127	60000872	QUÁCH THANH NHÀN	12/06/2002	Nam	06	2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.20	06.25	04.80	1.25	19.50
128	52008903	NGUYỄN NAM MINH	16/10/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.80	07.25	04.60	0.75	19.40
129	49003344	MAI VŨ ĐÌNH NGUYỄN	22/06/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.40	06.00	06.75	0.25	19.40
130	02055143	PHẠM NGUYỄN HỮU TOÀN	07/10/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	B00	06.40	06.75	06.25	0.00	19.40
131	02061584	TRẦN MINH TRÍ	21/03/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	07.00	05.00	0.00	19.40
132	48002388	HUỖNH VĂN CHIẾN	28/05/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.80	05.75	06.50	0.25	19.30
133	02020487	NGUYỄN VĂN DỪNG	21/04/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	B00	06.80	05.50	07.00	0.00	19.30
134	02042780	PHAN CÔNG HẬU	26/12/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.80	06.25	06.25	0.00	19.30
135	42003623	NGUYỄN LÂM HẢI VÂN	24/01/2002	Nữ		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.80	06.75	04.00	0.75	19.30
136	02043641	NGUYỄN VÕ MINH QUANG	01/09/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.60	06.25	05.40	0.00	19.25
137	46000909	LÊ HOÀI LINH	28/07/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.00	06.75	04.20	0.25	19.20
138	02031805	CHÂU VĨNH PHÚ	03/04/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.60	05.75	05.60	0.25	19.20
139	02061253	PHẠM NGUYỄN MINH PHÚC	01/09/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.20	06.00	07.00	0.00	19.20
140	47002774	TRẦN VĂN HÙNG	19/07/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.20	06.00	05.20	0.75	19.15

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
141	60001261	NGUYỄN VĨNH KHAN	28/10/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.20	06.50	05.20	0.25	19.15
142	49011737	NGÔ MINH TIẾN	24/11/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.40	06.75	05.50	0.50	19.15
143	02046609	ĐÀM NGUYỄN MINH KHÁNH	15/02/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.80	04.50	07.80	0.00	19.10
144	49012831	NGUYỄN THÀNH VINH	11/02/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.00	08.00	04.60	0.50	19.10
145	31001803	NGUYỄN THỊ HỒNG	18/03/2002	Nữ		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.80	06.00	06.00	0.25	19.05
146	46007162	ĐỖ HUỲNH PHƯƠNG TRINH	02/09/2002	Nữ		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.40	06.75	05.40	0.50	19.05
147	48025155	TỪ HỮU TRUNG	18/11/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.40	07.50	02.40	0.75	19.05
148	02019180	NGUYỄN QUỐC KIẾT	14/01/2002	Nam	06	3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.00	07.00	04.00	1.00	19.00
149	42007757	HUỲNH HOÀNG ĐỨC	02/10/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.60	06.00	04.60	0.75	18.95
150	02032794	LIÊU LÝ KỶ	14/04/2001	Nam	06	2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.20	06.00	04.50	1.25	18.95
151	34013207	THÁI VĂN DUY	30/01/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.00	07.00	04.40	0.50	18.90
152	28003767	VĂN ĐÌNH HIẾU	20/11/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	05.80	06.00	06.80	0.25	18.85
153	02048018	TRÀ ANH KHÔI	30/01/2001	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.20	05.25	07.40	0.00	18.85
154	02065079	NGUYỄN ĐỨC GIA HÂN	19/02/2002	Nữ		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.20	07.00	04.60	0.00	18.80
155	48007785	NGUYỄN THANH HƠN	29/08/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.80	06.25	04.00	0.75	18.80
156	02062742	NGUYỄN TRUNG KIÊN	12/07/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.40	06.00	05.40	0.00	18.80
157	02026981	NGUYỄN TRUNG KIÊN	05/10/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.60	05.75	05.40	0.00	18.75
158	02074193	TRƯƠNG ANH VIỆT	29/09/1999	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.00	05.50	07.25	0.00	18.75
159	52008187	VŨ VĂN VIỆT	04/10/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.00	05.00	05.00	0.75	18.75
160	43009319	TRẦN NGỌC PHÚC	28/08/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	06.00	04.80	0.50	18.70
161	02064205	NGUYỄN THIÊN TÍNH	30/09/2001	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.40	06.50	05.80	0.00	18.70
162	02074031	NGUYỄN BÁ PHÚC	03/04/2001	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.40	06.25	05.00	0.00	18.65
163	49004866	VĂN NGỌC CÔNG SANG	14/12/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.00	06.75	04.40	0.50	18.65
164	48001519	ĐẶNG NGỌC GIA BẢO	21/07/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.60	06.75	05.00	0.25	18.60

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
165	39007364	DƯƠNG NGỌC TOÀN	14/09/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	05.75	05.20	0.25	18.60
166	02033842	NGUYỄN MINH TUẤN	20/03/2001	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	06.75	04.20	0.25	18.60
167	02055318	BÙI ĐÌNH BẢO DUY	21/03/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	06.75	04.40	0.00	18.55
168	02070083	NGUYỄN HUỲNH ĐẠT	02/06/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	B00	07.80	05.50	05.00	0.25	18.55
169	56010919	LÊ HUYỀN TRẦN	27/12/2002	Nữ		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.00	04.50	06.80	0.25	18.55
170	02024554	TRỊNH MINH TRIẾT	20/11/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.80	05.75	06.00	0.00	18.55
171	45001638	DƯƠNG XUÂN KHAI	27/11/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.00	03.75	07.50	0.25	18.50
172	51012013	CAO NGUYỄN GIA PHÚ	11/09/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.00	05.75	06.25	0.50	18.50
173	47003035	NGÔ THÀNH VINH	23/02/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.20	05.75	04.80	0.75	18.50
174	02013792	BÙI CÔNG ANH	20/10/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	06.80	06.25	05.40	0.00	18.45
175	48012525	TRẦN DUY MÃN	29/09/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.20	05.00	06.00	0.25	18.45
176	43004773	NGUYỄN QUANG THỌ	24/05/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	B00	07.20	04.75	05.75	0.75	18.45
177	37013960	ĐÀO DUY LỘC	26/12/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.40	05.75	04.75	0.50	18.40
178	02056009	TRẦN MẠNH CƯỜNG	03/02/2001	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.20	06.50	05.60	0.00	18.30
179	47001316	NGUYỄN NGỌC TÀI	28/03/2002	Nữ		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.40	06.00	04.40	0.50	18.30
180	02009178	PHẠM QUỐC TÚ	27/06/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.60	06.25	04.40	0.00	18.25
181	49006609	LÊ THÀNH THÁI DƯƠNG	12/08/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.00	06.92	03.80	0.50	18.22
182	02069917	TRẦN THIÊN TÚ	25/03/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.20	05.75	06.00	0.25	18.20
183	02031945	NGUYỄN MINH THUẬN	09/01/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.60	05.25	05.00	0.25	18.10
184	45005083	ĐOÀN QUANG HUY	13/02/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.00	05.50	05.80	0.75	18.05
185	02019035	PHẠM MINH TUẤN	19/09/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.80	07.00	04.20	0.00	18.00
186	37009394	PHAN VĂN KHÁNH	04/05/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	05.25	04.80	0.50	17.95
187	46008418	TRẦN HOÀNG PHÚC	25/05/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	08.20	04.75	04.50	0.50	17.95
188	02039454	VÕ NGỌC BẢO	09/11/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	05.80	07.25	04.80	0.00	17.85

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
189	32002023	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	15/09/2002	Nữ		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.80	06.00	04.80	0.25	17.85
190	48017263	TRƯƠNG THANH PHÚC	27/03/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.00	05.25	03.80	0.75	17.80
191	02020965	NGUYỄN HOÀI SƠN	01/08/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.60	06.00	04.20	0.00	17.80
192	40017046	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	04/04/2002	Nữ		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	05.80	07.25	04.00	0.75	17.80
193	02074631	VI THÚY VI	16/06/2002	Nữ		3	7480201	Công nghệ thông tin	B00	05.80	05.50	06.50	0.00	17.80
194	02067420	ĐÀO NGUYỄN MINH KHOA	24/09/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.60	05.75	04.40	0.00	17.75
195	39000130	NGUYỄN TRUNG KIÊN	18/10/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.80	07.00	02.20	0.75	17.75
196	40009021	DƯƠNG ĐĂNG VINH	02/09/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.20	05.25	04.50	0.75	17.70
197	41008259	NGUYỄN HUY HƯNG	25/09/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.40	06.00	05.00	0.25	17.65
198	39000308	TRẦN VĂN THIÊN	18/09/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.00	05.50	04.40	0.75	17.65
199	39000028	HUỲNH ĐỨC CƯỜNG	09/02/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	06.25	03.20	0.75	17.60
200	37011259	ĐỖ LÊ DUY	12/09/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	05.50	04.20	0.50	17.60
201	26014246	ĐOÀN THU PHƯƠNG	14/12/2002	Nữ		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.00	05.75	03.60	0.25	17.60
202	01070690	LƯU THỊ NHƯ QUỲNH	22/12/2001	Nữ		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.80	06.50	03.00	0.25	17.55
203	02021830	ÂU DƯƠNG ĐỨC TRUNG	05/03/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	B00	06.80	05.75	05.00	0.00	17.55
204	24008526	TRỊNH HÀ NAM	14/09/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.40	07.00	03.60	0.50	17.50
205	49004609	NGUYỄN HỮU HIỀN	17/02/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.40	05.75	04.80	0.50	17.45
206	47007641	VÕ MINH TRIẾT	06/08/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.00	05.50	04.20	0.75	17.45
207	02023407	LÂM LỘC XUÂN VINH	30/06/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.60	06.00	04.80	0.00	17.40
208	40005705	TRẦN QUỐC LONG	23/04/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.40	06.00	04.20	0.75	17.35
209	38003166	VÕ VĂN HÒA	14/08/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.40	07.75	02.40	0.75	17.30
210	53007860	TRẦN MINH ĐẠT	25/01/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.60	06.00	04.40	0.25	17.25
211	49007134	NGUYỄN CHÍ TÀI	28/03/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	05.80	05.75	05.20	0.50	17.25
212	49006645	TRẦN LÊ MINH ĐỨC	02/11/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	06.25	03.00	0.50	17.15

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
213	40007881	ĐẶNG THÀNH HỨA	03/05/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.60	06.00	03.75	0.75	17.10
214	02008880	VƯƠNG TẤN LỘC	07/07/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.60	06.50	04.00	0.00	17.10
215	02063775	HỒ MINH TRUNG	08/10/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	05.80	05.50	05.80	0.00	17.10
216	02020461	LƯU TẤN CẢNH	13/05/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.40	06.25	04.40	0.00	17.05
217	02058451	NGUYỄN PHƯỚC MINH CHÂU	07/11/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.00	07.25	03.80	0.00	17.05
218	02033060	HUỖNH VĂN SANG	11/01/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.60	06.00	04.20	0.25	17.05
219	02033028	NGUYỄN HUY PHƯƠNG	08/10/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A01	06.80	05.75	04.20	0.25	17.00
220	49002658	PHẠM KIỀU NHI	21/12/2002	Nữ		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.20	05.50	05.00	0.25	16.95
221	40011514	NGUYỄN THỊ MAI	10/04/2002	Nữ		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	08.00	06.75	01.40	0.75	16.90
222	02066057	TRẦN MINH PHÚC	28/02/2000	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	06.60	03.50	06.80	0.00	16.90
223	35008399	PHAN THÁI HOÀI BẢO	15/07/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A00	07.00	04.25	05.00	0.50	16.75
224	49010456	VÕ TUYẾT HẠNH	22/05/2002	Nữ		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.60	06.25	03.40	0.50	16.75
225	57002618	LÊ ĐÌNH THIỆN	16/10/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.00	07.25	03.20	0.25	16.70
226	49007384	LÊ BÙI NHỰT TRƯỜNG	18/10/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.20	06.75	03.20	0.50	16.65
227	56006797	PHẠM PHÚC BẢO	01/08/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.20	05.50	04.40	0.50	16.60
228	02070128	NGUYỄN PHẠM VIỆT HÙNG	21/09/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.80	05.75	03.80	0.25	16.60
229	39000248	NGUYỄN PHÚC	25/09/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	05.40	06.75	03.60	0.75	16.50
230	41005201	HUỖNH VĂN HIỆP	24/10/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.00	06.00	03.20	0.25	16.45
231	02022037	TRƯƠNG ANH KHOA	21/07/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	05.80	06.00	04.50	0.00	16.30
232	53006425	TRẦN LONG THIỆN	19/11/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.40	04.75	03.60	0.50	16.25
233	53004350	NGUYỄN TRƯỜNG VI	10/03/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.60	07.00	02.40	0.25	16.25
234	38010830	ĐOÀN NGUYỄN MINH CHÍNH	04/06/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.40	06.00	03.00	0.75	16.15
235	53002995	LÝ THỊ QUẾ TRẦN	02/04/2001	Nữ		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.00	05.25	04.40	0.50	16.15
236	49010883	PHẠM TẤN TRUNG	03/11/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	B00	06.80	04.75	04.00	0.50	16.05

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
237	02043398	DƯƠNG HẠO DÂN	13/10/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.20	05.00	03.80	0.00	16.00
238	02003226	ĐẶNG LÊ HOÀNG NAM	18/11/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	B00	05.00	06.00	05.00	0.00	16.00
239	40012140	HOÀNG HỒNG QUÂN	28/02/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.00	04.00	05.25	0.75	16.00
240	03017915	ĐINH NGỌC YẾN	12/09/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	07.00	06.75	02.00	0.25	16.00
241	02011493	LÊ PHÚ HIẾU	11/04/2002	Nam		2	7480201	Công nghệ thông tin	A00	05.20	06.50	04.00	0.25	15.95
242	02042940	LÝ NHẬT NAM	15/03/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	04.80	05.75	05.40	0.00	15.95
243	02045019	ĐẶNG TUẤN KIẾT	03/10/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	05.20	06.50	04.20	0.00	15.90
244	42011208	TRẦN ĐỨC CÔNG	29/10/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.00	06.25	02.80	0.75	15.80
245	13004328	PHẠM THỊ ANH THƯ	28/09/2002	Nữ		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	05.00	06.25	03.80	0.75	15.80
246	55000903	ĐỖ NGUYỄN ANH HÀO	17/03/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.60	05.50	03.60	0.00	15.70
247	60004924	NGUYỄN MINH TRIỆU	08/07/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A01	06.80	05.00	03.40	0.50	15.70
248	43008953	CÙ ĐỨC SƠN	19/06/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.40	04.00	04.50	0.75	15.65
249	02033730	LÊ THÙY TRANG	08/10/2001	Nữ		2	7480201	Công nghệ thông tin	D01	05.60	06.75	03.00	0.25	15.60
250	35008577	ĐOÀN TÍCH MẠNH	02/05/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	06.40	06.00	02.60	0.50	15.50
251	02057864	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	08/08/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A01	07.00	03.50	05.00	0.00	15.50
252	59000976	VÕ HUỖNH MINH QUANG	10/02/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A01	05.00	05.75	04.00	0.75	15.50
253	02066471	VŨ CAO THẮNG	22/02/2002	Nam		3	7480201	Công nghệ thông tin	A00	06.20	05.75	03.50	0.00	15.45
254	49013722	THÁI MINH TÂM	25/10/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	A01	06.40	04.50	04.00	0.50	15.40
255	37008234	PHAN THỊ KIM PHỤNG	20/12/2002	Nữ		1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	04.60	06.50	03.40	0.75	15.25
256	39006118	LÊ TRỌNG HỮU	17/02/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	05.60	05.50	03.60	0.50	15.20
257	49012967	HUỖNH NHẬT HÒA	08/07/2002	Nam		2NT	7480201	Công nghệ thông tin	D01	04.20	05.25	05.20	0.50	15.15
258	48021832	TRẦN NGỌC THUẬN	05/07/2002	Nam		1	7480201	Công nghệ thông tin	A00	05.60	04.25	04.50	0.75	15.10

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
259	06003459	HOÀNG VĂN HUY	20/12/2002	Nam	01	1	7480201	Công nghệ thông tin	D01	04.80	05.25	02.20	2.75	15.00

Tổng số: 259 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
1	44003093	LƯƠNG MỸ PHỤNG	06/01/2002	Nữ		2	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	09.00	08.00	09.00	0.25	26.25
2	31001692	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	06/08/2002	Nam		2	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	08.40	07.75	07.75	0.25	24.15
3	02051390	LÊ CHÍ LUÂN	30/09/2001	Nam		3	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	08.40	07.50	07.75	0.00	23.65
4	02074344	KHÔNG THỊ PHƯƠNG THẢO	24/11/2002	Nữ		3	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	08.40	08.75	06.25	0.00	23.40
5	51010306	ĐẶNG THỊ TIỂU LAM	04/12/2002	Nữ		2	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	08.00	07.00	07.25	0.25	22.50
6	51001509	HỒ THỊ NGỌC ANH	15/05/2002	Nữ		2	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	07.00	05.50	08.75	0.25	21.50
7	43006238	KIỀU VĂN LONG PHƯỚC	14/03/2002	Nam		1	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	07.80	08.00	04.75	0.75	21.30
8	49011411	PHẠM MINH TÙNG	06/04/2002	Nam		2NT	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	08.00	07.00	05.75	0.50	21.25
9	02055547	PHAN HỒNG NHÃ	23/06/2002	Nam		3	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	B00	06.40	07.25	07.25	0.00	20.90
10	02038908	HỒ TRỊNH TRUNG NGUYỄN	14/08/2002	Nam		1	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	08.20	05.75	06.00	0.75	20.70
11	48009615	LÊ VĂN KHÁNH	06/05/2002	Nam		2	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	07.40	06.25	06.50	0.25	20.40
12	02014588	LÝ TRẦN ÁI VY	19/03/2002	Nữ		3	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	B00	07.80	06.75	05.75	0.00	20.30
13	53009310	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	17/10/2002	Nữ		2	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A02	07.00	06.50	06.50	0.25	20.25
14	02072472	NGUYỄN QUỐC KHANH	22/09/2001	Nam		2	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	B00	07.40	05.75	06.50	0.25	19.90
15	53013228	PHẠM NGUYỄN MINH TUYẾT	20/01/2002	Nữ		2	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	06.80	06.25	06.25	0.25	19.55
16	35004801	NGUYỄN TẤN NHÂN	31/10/2002	Nam		1	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	B00	05.60	06.25	05.75	0.75	18.35
17	02047299	TĂNG QUANG TRẢI	18/07/1997	Nam		2NT	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	B00	06.60	05.50	05.75	0.50	18.35
18	49006722	HUỖNH NGỌC HUY	26/11/2002	Nam		2NT	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	07.00	05.50	05.25	0.50	18.25
19	02021434	NGUYỄN ĐỨC ĐẠI	24/05/2002	Nam		3	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	06.40	05.75	05.50	0.00	17.65
20	49010423	LƯƠNG THỊ ANH ĐÀO	21/11/2002	Nữ		2NT	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	06.20	04.00	06.75	0.50	17.45

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
21	46003025	VŨ QUỐC THÔNG	13/10/2002	Nam		2NT	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	05.60	05.50	05.00	0.50	16.60
22	37007316	BÙI CÔNG VŨNG	27/04/2002	Nam		2	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	B00	07.00	04.50	04.75	0.25	16.50
23	37011183	LÊ TRẦN HIẾU VẦN	13/05/2002	Nam		2NT	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	06.40	06.00	03.50	0.50	16.40
24	02031883	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG TẤN	26/03/2002	Nam		2	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	04.60	06.25	05.00	0.25	16.10
25	53006453	LÊ MINH THUYỀN	09/03/2002	Nam		2NT	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	06.80	05.25	03.50	0.50	16.05
26	49005409	LÊ TUẤN KIỆT	05/04/2002	Nam		2NT	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	B00	05.20	06.50	03.75	0.50	15.95
27	02003140	ĐỖ MỸ LINH	26/12/2002	Nữ		3	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	06.40	03.75	05.75	0.00	15.90
28	42012579	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	06/10/2002	Nam		1	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A02	06.60	03.75	04.75	0.75	15.85
29	02031929	NGUYỄN HƯNG THỊNH	06/03/2002	Nam		2	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	05.60	05.00	04.75	0.25	15.60
30	49013396	LÊ TRƯỜNG AN	07/02/2002	Nam		2NT	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	05.60	05.00	04.25	0.50	15.35
31	02013069	LÊ QUỐC TUẤN	04/02/2002	Nam		3	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	05.80	04.75	04.75	0.00	15.30
32	50008128	HUỲNH THỊ MINH PHI	04/10/2002	Nữ		2NT	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	07.00	04.00	03.25	0.50	14.75

Tổng số: 32 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
1	52003424	NGUYỄN MINH CHIẾN	02/01/2001	Nam		2	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	07.40	08.25	08.00	0.25	23.90
2	49013021	PHẠM MINH KHÔI	02/09/2002	Nam		2NT	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	08.00	08.00	07.00	0.50	23.50
3	51004706	THÁI NGỌC VINH	23/02/2002	Nam		2NT	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	08.20	07.00	07.75	0.50	23.45
4	42000461	NGUYỄN ĐỖ TRUNG QUÂN	13/03/2002	Nam		1	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A01	07.60	07.50	07.20	0.75	23.05
5	49010710	NGUYỄN TẤN PHÁT	27/12/2002	Nam		2NT	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	07.40	07.25	07.50	0.50	22.65
6	44004116	NGUYỄN LƯƠNG HOÀNG LAM	10/12/2002	Nam		2	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	08.00	07.00	07.25	0.25	22.50
7	48021136	NINH VĂN THI	11/11/2002	Nam		1	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	07.40	06.75	07.00	0.75	21.90
8	02037374	PHẠM THỊ TUYẾT NHI	25/12/2002	Nữ		2	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	07.80	06.50	07.00	0.25	21.55
9	02029271	BÙI MINH ĐĂNG	11/08/2002	Nam		3	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	07.40	06.75	07.25	0.00	21.40
10	49008130	NGUYỄN TẤN KHA	20/07/2002	Nam		2NT	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	07.40	06.75	06.50	0.50	21.15
11	02007470	NGUYỄN GIANG GIA HUY	17/07/2002	Nam		3	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A01	07.60	06.50	06.60	0.00	20.70
12	02055554	PHAN MINH NHẬT	20/06/2000	Nam		3	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	06.80	07.00	06.50	0.00	20.30
13	47010103	VŨ ĐẬU THÀNH HOÀNG	08/11/2002	Nam		1	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A01	07.60	06.75	05.00	0.75	20.10
14	41004401	LÊ THỊ HUYỀN DIỆU	18/12/2002	Nữ		2	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A02	07.40	06.50	05.75	0.25	19.90
15	46004232	TRẦN VĂN ĐƯỢC	18/09/2002	Nam		1	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	06.80	07.25	05.00	0.75	19.80
16	02063614	ĐOÀN ANH QUỐC	22/08/2002	Nam		3	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	07.80	06.25	05.75	0.00	19.80
17	02062002	LÊ CUNG CƯỜNG	12/08/2002	Nam		3	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A01	07.20	06.75	05.20	0.00	19.15
18	49008164	TRẦN TẤN LỘC	04/09/2002	Nam		2NT	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	B00	07.40	06.50	04.75	0.50	19.15
19	49003536	VĂN THÀNH THÔNG	16/02/2002	Nam		2	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	06.40	07.00	05.50	0.25	19.15
20	41003843	TRẦN THANH TÙNG	02/01/2002	Nam		2NT	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A01	06.40	06.25	06.00	0.50	19.15

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
21	02055274	PHẠM MINH TUẤN ANH	10/10/2002	Nam		3	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	B00	06.60	06.50	05.50	0.00	18.60
22	49008308	NGUYỄN MINH THIÊN	03/11/2002	Nam		2NT	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	05.00	04.75	06.75	0.50	17.00
23	43008930	PHẠM HỒNG PHÚC	17/10/2002	Nam		1	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A02	07.60	05.25	03.00	0.75	16.60
24	42003815	NGUYỄN TẤN THÀNH	18/05/2002	Nam		1	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	B00	05.40	05.25	05.00	0.75	16.40
25	52005535	TRẦN NGỌC SỸ	13/01/2002	Nam		2NT	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00	06.60	03.75	05.00	0.50	15.85

Tổng số: 25 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm UT	Điểm TT
1	02020522	NGUYỄN HỮU ĐÔNG	24/01/2002	Nam		3	7580212	Kỹ thuật tài nguyên nước	A00	08.20	04.75	07.00	0.00	19.95
2	44006788	ĐÀO MINH QUÂN	30/08/2002	Nam		2	7580212	Kỹ thuật tài nguyên nước	A00	07.00	06.25	06.00	0.25	19.50

Tổng số: 2 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH KỸ THUẬT CẤP THOÁT NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm UT	Điểm TT
1	53003696	NGUYỄN TUẤN DUY	05/09/2002	Nam		2NT	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	08.40	07.75	08.75	0.50	25.40
2	40000426	ĐỖ TRỌNG TÍN	20/03/2002	Nam		1	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	08.80	06.00	07.50	0.75	23.05
3	37013812	ĐOÀN THỊ KIM DUYẾN	23/09/2002	Nữ		2NT	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	B00	08.20	07.50	06.75	0.50	22.95
4	53013434	NGÔ HOÀNG NGÂN LỘC	01/01/2002	Nam		1	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	07.60	06.75	06.25	0.75	21.35
5	42000834	HỒ KHÁNH ĐẠT	03/03/2002	Nam		1	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	07.00	06.75	06.75	0.75	21.25
6	02063612	TRẦN MINH QUÂN	14/05/2002	Nam		3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A01	07.40	07.00	06.60	0.00	21.00
7	02043375	TỪ TẤN BỬU	10/07/2002	Nam		3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	07.80	06.75	06.00	0.00	20.55
8	02071608	TRẦN NGUYỄN HUY HOÀNG	09/12/2002	Nam		2	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	07.60	06.75	05.25	0.25	19.85
9	02025774	TRƯƠNG HOÀNG BẢO NGÂN	29/06/2002	Nữ		3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A01	07.80	04.75	07.00	0.00	19.55
10	02044400	LÝ VINH THUẬN	23/09/2002	Nam	06	3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	06.80	06.25	05.50	1.00	19.55
11	02019315	LÊ THỊ KIM NGÂN	02/07/2002	Nữ		3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	07.40	05.50	06.50	0.00	19.40
12	02043448	HOÀNG MẦN ĐẠT	07/03/2002	Nam		3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	07.60	05.75	05.75	0.00	19.10
13	02073105	NGUYỄN HOÀNG PHÚ DANH	24/11/2002	Nam		3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	06.80	06.00	06.00	0.00	18.80
14	02044298	NGUYỄN THANH SƠN	05/08/2002	Nam		3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	06.40	05.00	07.25	0.00	18.65
15	02074586	HOÀNG ANH TUẤN	01/10/2001	Nam		3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	05.40	05.75	07.00	0.00	18.15
16	50003727	LA VŨ KHANH	08/12/2000	Nam		2	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	05.60	06.25	05.75	0.25	17.85
17	02055671	TRẦN NGUYỄN NHƯ QUỲNH	01/12/2002	Nữ		3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	06.00	06.50	05.25	0.00	17.75
18	02073723	GIANG HOÀNG LONG	01/03/2002	Nam		3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	06.40	05.50	05.25	0.00	17.15
19	02074120	PHẠM PHÚ THUẬN	20/09/2002	Nam		3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	06.60	05.00	05.25	0.00	16.85

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
20	02061674	VŨ THANH TÙNG	05/12/2002	Nam		3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A01	07.40	04.00	05.40	0.00	16.80
21	02040135	VĂN CÔNG NHẬT TRƯỜNG	28/09/2002	Nam		3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00	06.00	04.50	05.00	0.00	15.50

Tổng số: 21 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
1	58002021	KIM THỊ DIỆU ĐANG	06/04/2002	Nữ	01	1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	08.00	07.75	07.25	2.75	25.75
2	49009264	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	25/08/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.40	08.25	07.75	0.50	24.90
3	44011344	NGUYỄN NGỌC THIÊN	13/07/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.60	08.00	07.50	0.50	24.60
4	02019951	LÊ THỊ NGỌC LINH	30/10/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	09.00	07.75	07.75	0.00	24.50
5	02007327	PHẠM THÀNH ĐẠT	10/11/2002	Nam		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.20	08.25	07.75	0.00	24.20
6	02070021	NGUYỄN HÙNG MINH ANH	19/09/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.00	08.50	07.25	0.25	24.00
7	46008408	VÕ TẤN PHÁT	21/09/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.20	07.75	07.50	0.50	23.95
8	50007690	NGUYỄN THỊ KIM THƯ	24/04/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.00	07.50	07.75	0.50	23.75
9	42000825	NGUYỄN ĐÌNH HẢI DƯƠNG	16/07/2002	Nam		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	08.60	07.25	07.00	0.75	23.60
10	02045889	PHẠM HOÀNG PHÁT	09/12/2002	Nam		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.60	07.75	08.25	0.00	23.60
11	02039770	LÊ HOÀI NAM	01/12/2002	Nam		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.40	08.00	07.00	0.00	23.40
12	46005534	NGUYỄN NHẬT NAM	23/12/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.40	07.00	07.50	0.50	23.40
13	44003863	VÕ PHƯƠNG KHANH	07/10/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A02	08.60	07.75	06.75	0.25	23.35
14	49009513	PHẠM THANH TRÚC	06/06/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.60	07.25	08.00	0.50	23.35
15	02032232	NGHIÊM THANH Mẫn	03/11/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.00	07.00	07.75	0.25	23.00
16	52000031	NGÔ THỊ KIM ANH	16/08/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	09.00	07.50	06.20	0.25	22.95
17	02018835	NGÔ MINH HÒA	11/07/2002	Nam		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.40	07.00	07.50	0.00	22.90
18	02065971	PHẠM THANH NHƯ	21/06/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.40	08.50	07.00	0.00	22.90
19	02043635	TRƯƠNG HỒNG PHƯƠNG	28/09/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.40	06.50	08.00	0.00	22.90
20	02040497	PHẠM TRẦN PHI DUNG	11/03/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	08.00	07.00	07.80	0.00	22.80

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
21	02041479	LÊ NHẬT KHƯƠNG	21/06/2002	Nam		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.20	07.25	07.25	0.00	22.70
22	02061663	NGUYỄN MINH TUẤN	20/09/2002	Nam		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.00	07.50	07.00	0.00	22.50
23	02039441	LÊ TRẦN THIÊN BẢO	22/12/2002	Nam		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.20	06.00	08.25	0.00	22.45
24	63001372	PHAN THỊ NGỌC HUYỀN	05/12/2001	Nữ		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.40	07.75	06.50	0.75	22.40
25	02015028	NGUYỄN THỊ HỒNG NGUYỄN	20/11/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.80	07.25	07.25	0.00	22.30
26	02074042	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	17/06/2001	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.00	07.25	06.75	0.25	22.25
27	52007540	TRẦN NGUYỄN QUỐC PHONG	22/08/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	08.00	07.25	06.60	0.25	22.10
28	02019309	MAI NGỌC NGÀ	05/03/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.80	07.50	07.75	0.00	22.05
29	38004667	HOÀNG MỸ NƯƠNG	06/07/2002	Nữ		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	07.80	06.50	07.00	0.75	22.05
30	02055821	NGUYỄN LÊ HOÀI TRÚC	29/07/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A02	07.80	06.75	07.50	0.00	22.05
31	02069589	VÕ TRUNG NGUYỄN	26/08/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	07.20	08.00	06.50	0.25	21.95
32	02019505	PHAN MAI PHƯƠNG	10/01/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.40	07.50	07.00	0.00	21.90
33	02021162	HUỲNH NGỌC TUỆ	20/04/2002	Nữ	06	3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.40	06.25	07.25	1.00	21.90
34	54002585	TRẦN LÊ TÂN KIẾN	01/05/2002	Nam		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A02	07.40	06.25	07.25	0.75	21.65
35	44007597	ĐỖ TUẤN KIẾT	30/05/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.40	07.25	05.75	0.25	21.65
36	44005461	NGUYỄN TRUNG BẮC	21/04/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.60	06.25	07.50	0.25	21.60
37	56000870	CAO ĐỖ ĐẠT	08/01/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.60	06.75	06.75	0.50	21.60
38	02072591	TRẦN HUYỀN NGHI	22/07/2001	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	08.00	07.25	06.00	0.25	21.50
39	49005978	LÊ NGỌC QUANG LINH	08/12/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.40	06.75	06.75	0.50	21.40
40	49013425	HUỲNH THỊ KIM CƯƠNG	29/11/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.20	06.50	06.00	0.50	21.20
41	56007337	TRẦN THỊ KIM NGÂN	20/10/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.00	06.75	07.75	0.50	21.00
42	53009865	HUỲNH THỊ KIM PHÚC	25/06/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.00	06.50	06.00	0.50	21.00
43	43008245	ĐẶNG ĐOÀN UYÊN PHƯƠNG	15/12/2002	Nữ		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	07.60	06.25	06.40	0.75	21.00
44	02028000	PHẠM PHÚ QUÝ	19/07/2002	Nam		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	08.00	05.25	07.75	0.00	21.00

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
45	44002634	NGUYỄN HOÀNG DẠ MINH	28/12/2001	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	07.20	07.00	06.50	0.25	20.95
46	58005685	CAO HOÀNG LONG	06/08/2002	Nam		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	07.60	06.75	05.75	0.75	20.85
47	02034046	HUỶNH QUANG MINH	14/10/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.60	06.75	05.25	0.25	20.85
48	43006628	ĐIỀU XƯA	12/02/2001	Nam	01	1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	05.60	06.00	06.50	2.75	20.85
49	44003139	TRƯƠNG HỮU QUYỀN	20/12/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	07.40	06.75	06.25	0.25	20.65
50	02026688	TRẦN HOÀNG MỸ TIỀN	06/03/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	08.40	07.25	05.00	0.00	20.65
51	44004800	PHẠM ANH CHUẨN	20/06/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.60	07.25	05.50	0.25	20.60
52	52003933	NGUYỄN THANH HẢI YẾN	23/10/2001	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.60	05.75	07.00	0.25	20.60
53	43000764	NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH	18/11/2002	Nữ		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.80	06.25	06.75	0.75	20.55
54	44005159	PHAN THÀNH TẤN	17/04/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.80	05.50	07.00	0.25	20.55
55	02022616	TRẦN CÔNG THẮNG	08/01/2002	Nam		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A02	07.80	04.50	08.25	0.00	20.55
56	46004128	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	02/09/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.00	06.50	05.50	0.50	20.50
57	52002243	TRẦN THỊ THANH THẢO	01/10/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.00	06.75	06.50	0.25	20.50
58	48012923	LÊ VÕ HẢI MY	29/06/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.40	06.50	06.25	0.25	20.40
59	49009226	NGUYỄN HOÀNG NAM	30/07/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	07.20	06.50	06.20	0.50	20.40
60	49002802	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	20/11/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	08.40	06.75	05.00	0.25	20.40
61	02032820	NGUYỄN DIỆP ÁNH LINH	20/10/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	07.80	06.00	06.20	0.25	20.25
62	02038705	TRẦN ĐẶNG PHƯƠNG LINH	15/01/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.20	05.00	07.00	0.00	20.20
63	02039634	NGUYỄN HỮU HUY	19/07/2002	Nam		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	06.40	07.00	06.75	0.00	20.15
64	49005869	NGUYỄN HOÀ NGỌC DUYÊN	27/09/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.40	06.75	05.25	0.50	19.90
65	61003765	NGUYỄN MINH ĐỨC	28/07/2002	Nam		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	07.20	07.00	04.80	0.75	19.75
66	47007172	BÙI QUANG HUY	01/06/2002	Nam		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.20	06.50	05.25	0.75	19.70
67	49013427	TRẦN TRUNG CƯỜNG	09/12/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	07.40	06.00	05.75	0.50	19.65
68	02011767	HỒ THANH TUYỀN	18/12/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.80	07.00	04.50	0.25	19.55

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
69	46004656	NGUYỄN THỊ THU TRANG	13/04/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	08.00	05.25	05.75	0.50	19.50
70	43009153	PHAN HỌC ĐẦY	23/08/2002	Nam		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	06.20	06.25	06.25	0.75	19.45
71	53000479	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	12/02/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.20	05.50	07.25	0.50	19.45
72	02044823	PHAN THỊ THU TRANG	10/12/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	07.60	06.25	05.60	0.00	19.45
73	49012456	PHẠM NGỌC MAI KHANH	14/03/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.40	05.00	06.50	0.50	19.40
74	56005494	PHAN THỊ BÍCH LIÊN	12/07/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.80	05.25	06.75	0.50	19.30
75	02056586	TRẦN HOÀNG PHÚC	07/12/2002	Nam		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	07.00	05.50	06.80	0.00	19.30
76	48006893	NGUYỄN CÔNG HIẾU	09/05/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	06.40	06.75	05.50	0.50	19.15
77	46007950	ĐẶNG NHẢ LINH	07/12/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.40	05.75	06.50	0.50	19.15
78	46007991	DƯƠNG THỊ THANH MỸ	02/01/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	07.60	05.50	05.50	0.50	19.10
79	46002403	NGUYỄN THỊ THẢO PHƯƠNG	28/02/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	05.80	05.75	07.00	0.50	19.05
80	48012206	NGUYỄN THỊ TRÚC LY	06/09/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A02	07.00	07.50	04.25	0.25	19.00
81	40005157	NGUYỄN ĐÌNH HIỆP	19/06/2002	Nam		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	05.40	05.50	07.25	0.75	18.90
82	02044945	NGUYỄN THÚY VÂN	01/01/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.40	06.25	05.25	0.00	18.90
83	46004271	PHAN THỊ THU HIỀN	05/10/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.60	06.75	05.00	0.50	18.85
84	46008055	LÊ VĂN THANH	16/12/1991	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	06.60	06.00	05.75	0.50	18.85
85	02035322	DƯƠNG HƯƠNG LAN	21/07/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.40	06.25	05.75	0.25	18.65
86	49009187	LÊ HOÀI LINH	18/08/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	07.40	04.75	06.00	0.50	18.65
87	52006651	ĐỖ THỊ NGỌC YẾN	10/11/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.40	05.75	05.00	0.50	18.65
88	02032141	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	10/11/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	07.60	05.75	05.00	0.25	18.60
89	49011197	TRẦN THỊ THU NGUYỆT	18/04/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.60	07.00	04.50	0.50	18.60
90	02069919	VÕ VĂN TÚ	26/12/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	06.80	06.00	05.50	0.25	18.55
91	02021910	TRẦN THẢO UYÊN	29/06/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.80	06.50	05.25	0.00	18.55
92	49012250	LƯU THỊ CẨM TIỀN	02/04/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	06.00	07.00	05.00	0.50	18.50

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
93	56008368	TRẦN THỊ MỸ TIỀN	08/06/2002	Nữ		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	08.00	04.75	05.00	0.75	18.50
94	02040077	VŨ QUỐC TOẢN	25/04/2002	Nam		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	07.80	07.50	03.20	0.00	18.50
95	02032913	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	27/12/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	05.40	07.00	05.75	0.25	18.40
96	42003716	PHÍ GIA KHANG	06/11/2002	Nam		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	07.80	05.50	04.25	0.75	18.30
97	52002622	TRẦN NHẬT ĐẠI	01/12/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.20	05.00	05.75	0.25	18.20
98	02032240	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG MY	15/10/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	07.80	06.75	03.40	0.25	18.20
99	49003938	TRÌNH MINH TẠO	14/05/2001	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.60	05.75	05.50	0.25	18.10
100	63003649	NGUYỄN HỒNG NHUNG	01/05/2002	Nữ		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	06.80	06.25	04.20	0.75	18.00
101	48019800	TRỊNH THANH TÂN	30/06/2002	Nam		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.60	03.75	06.75	0.75	17.85
102	02043904	NGUYỄN MINH KHÔI	24/05/2002	Nam		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.40	06.00	05.25	0.00	17.65
103	58004435	HUỲNH THỊ THẢO	18/09/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	06.60	06.25	04.20	0.50	17.55
104	02064582	NGUYỄN CAO NGỌC ÂN	20/06/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	07.00	05.25	05.25	0.00	17.50
105	02069462	TRẦN GIA KIẾT	13/08/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	07.20	05.00	05.00	0.25	17.45
106	02037566	TRẦN NGỌC TRÂM	13/01/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	07.00	05.75	04.20	0.25	17.20
107	49003751	TRẦN THỊ THÚY HẰNG	07/10/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A02	06.60	04.75	05.50	0.25	17.10
108	56003525	NGUYỄN THANH NHÃ	12/06/2001	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.00	03.50	06.00	0.50	17.00
109	02032453	NGUYỄN THỊ DIỄM TRANG	08/02/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.20	03.00	07.50	0.25	16.95
110	49008550	LÊ ĐỨC KHOA	25/11/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	07.20	04.75	04.40	0.50	16.85
111	38012391	PHẠM THANH QUỲNH NHI	08/11/2002	Nữ		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	06.60	05.00	04.50	0.75	16.85
112	49003568	TRẦN NGỌC CẨM TIỀN	20/01/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.20	05.50	04.75	0.25	16.70
113	46002215	NGUYỄN VĂN KIẾT	22/04/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.60	05.25	04.25	0.50	16.60
114	46001645	NGUYỄN HỒ THANH SƠN	21/06/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	05.80	06.75	03.75	0.25	16.55
115	46004435	NGUYỄN TÂN NGOAN	17/06/2002	Nam		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A02	06.00	04.50	05.25	0.75	16.50
116	49013645	NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ'	13/06/2002	Nữ		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	06.00	05.00	05.00	0.50	16.50

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
117	35006488	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	03/05/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	07.00	04.75	04.25	0.50	16.50
118	49013398	NGUYỄN THÀNH AN	01/02/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.40	05.00	04.50	0.50	16.40
119	02010283	ĐẶNG HOÀNG TRÚC LY	10/07/2002	Nữ		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	05.20	04.75	06.40	0.00	16.35
120	53010912	NGUYỄN DUY TRÍ	27/05/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A02	05.60	04.75	05.50	0.50	16.35
121	02044079	LÊ HỮU NGHĨA	07/09/2002	Nam		3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A02	06.80	04.25	05.25	0.00	16.30
122	02033468	LÊ VĂN DƯƠNG	14/10/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.00	05.00	05.00	0.25	16.25
123	44007048	ĐỖ HỮU TRUNG	16/02/2002	Nam		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A02	06.40	02.75	06.75	0.25	16.15
124	49007063	PHẠM QUANG PHÚ	19/12/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	04.20	03.75	07.50	0.50	15.95
125	40014113	HỒ ĐOÀN TRỌNG ANH	15/09/2002	Nam		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A01	07.20	03.00	04.80	0.75	15.75
126	49013565	HUỲNH NGỌC LUÂN	20/04/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.00	05.25	04.00	0.50	15.75
127	02032119	HUỲNH THỊ HOÀNG HÂN	21/06/2002	Nữ		2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	06.00	04.25	05.00	0.25	15.50
128	61006121	PHẠM NHẬT HẢO	24/04/2002	Nam		1	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	05.00	04.25	05.25	0.75	15.25
129	56005918	PHẠM ANH TUẤN	04/02/2002	Nam		2NT	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	05.60	03.50	05.50	0.50	15.10

Tổng số: 129 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH KINH TẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
1	42007041	ĐỖ THỊ HÀ MY	28/10/2002	Nữ		1	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	A00	08.80	08.00	06.25	0.75	23.80
2	02027267	PHẠM VŨ PHƯƠNG NHI	14/01/2002	Nữ		3	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	07.40	07.75	05.80	0.00	20.95
3	02009702	NGUYỄN NGỌC THẢO TRẦN	11/11/2002	Nữ		3	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	07.80	06.75	05.60	0.00	20.15
4	42003999	HOÀNG SĨ HÙNG	03/09/2002	Nam		1	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	B00	06.00	06.50	06.50	0.75	19.75
5	02066863	TRẦN VÕ PHƯƠNG TRINH	05/01/2002	Nữ		3	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	07.60	07.00	05.00	0.00	19.60
6	02030299	HOÀNG THỊ BẢO TRẦN	22/11/2002	Nữ		3	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	07.20	07.25	04.80	0.00	19.25
7	41005464	HỒ ANH THU'	02/06/2002	Nữ		2	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	07.20	07.50	04.20	0.25	19.15
8	40015203	H LÊ NGỌC HÂN BYÃ	03/02/2002	Nữ	01	1	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	05.20	07.25	03.80	2.75	19.00
9	02016889	TRƯƠNG QUỲNH HƯƠNG	25/07/2002	Nữ		3	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	07.00	07.50	04.20	0.00	18.70
10	46007064	PHẠM THỊ NHƯ' SƯƠNG	04/01/2002	Nữ		2NT	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	07.20	06.00	05.00	0.50	18.70
11	02020742	PHẠM THỊ YẾN LY	21/06/2002	Nữ		3	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	A00	06.80	05.50	06.25	0.00	18.55
12	35003074	PHẠM THỊ CHÂU SEN	07/03/2002	Nữ		2	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	06.80	07.00	04.20	0.25	18.25
13	41001110	LÊ THỊ KIM HỒNG	08/05/2002	Nữ		2	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	A00	07.20	06.50	04.25	0.25	18.20
14	29003575	NGUYỄN THỊ HỒNG	21/01/2002	Nữ		1	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	05.40	06.75	04.20	0.75	17.10
15	29003586	NGUYỄN THỊ HUỆ	21/01/2002	Nữ		1	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	05.00	06.75	04.40	0.75	16.90
16	56011254	PHẠM QUANG THUẬN	13/02/2002	Nam		2	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	06.80	07.25	02.60	0.25	16.90
17	02018937	ĐẶNG MINH TIẾN	28/08/2002	Nam	06	3	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	06.40	05.50	04.00	1.00	16.90
18	37009623	VÕ THỊ MỸ UYÊN	16/06/2002	Nữ		2NT	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	07.00	05.50	03.80	0.50	16.80
19	02032195	PHAN THÚY KIỀU	29/04/2002	Nữ		2	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	06.20	07.00	03.20	0.25	16.65
20	02011777	TRẦN THỊ THANH TUYẾN	25/01/2002	Nữ		3	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	06.40	06.25	04.00	0.00	16.65

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm UT	Điểm TT
21	43004036	NGUYỄN THỊ HOÀI AN	16/11/2002	Nữ		1	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	07.00	04.25	04.60	0.75	16.60
22	02021297	TRẦN HOÀNG KIỀU ANH	28/09/2002	Nữ		3	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	06.00	07.00	03.00	0.00	16.00
23	02039778	BÙI NGUYỄN THẢO NGÂN	20/10/2002	Nữ		3	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	05.00	07.00	04.00	0.00	16.00
24	35008410	NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	02/03/2002	Nam		1	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	06.40	06.25	02.00	0.75	15.40
25	02061033	NGUYỄN THANH TRẦN MY	16/11/2002	Nữ		3	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	06.00	06.00	03.40	0.00	15.40
26	02042976	HỒ LÂM PHƯƠNG NGUYỄN	05/08/2002	Nam		3	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	06.60	05.50	03.20	0.00	15.30
27	48027285	LÊ HUỖNH ANH VŨ	01/09/2002	Nam		2NT	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	05.80	06.00	02.80	0.50	15.10
28	02031793	VŨ TRỌNG PHI	10/06/2001	Nam		2	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	06.40	06.00	02.20	0.25	14.85
29	52008108	LÊ XUÂN THÀNH	26/08/2002	Nam		1	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	D01	04.00	06.50	03.60	0.75	14.85

Tổng số: 29 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
1	02038177	VÕ TIỀN HƯNG	04/12/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	09.00	08.25	08.50	0.00	25.75
2	02054337	TRẦN QUANG THÔNG	02/10/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A01	09.00	08.25	08.20	0.00	25.45
3	02025339	NGUYỄN HOÀNG MINH THÔNG	01/01/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.80	08.00	08.50	0.00	25.30
4	47009086	TRẦN ĐỨC DUY	18/02/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	09.20	07.75	08.00	0.25	25.20
5	35008188	NGUYỄN NGỌC TÂN NHÂN	02/03/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.80	08.50	07.25	0.50	25.05
6	02040301	NGUYỄN KIM ANH	19/02/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	A01	09.20	07.75	08.00	0.00	24.95
7	43002958	ĐOÀN THỊ QUỲNH DƯ	08/03/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.80	06.25	08.75	0.75	24.55
8	42006136	PHẠM NGỌC HOÀNG	01/10/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.00	08.25	07.50	0.75	24.50
9	46008051	NGUYỄN VĂN THÁI	01/05/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	B00	07.80	07.75	08.25	0.50	24.30
10	51014657	ĐẶNG THỊ THU CƯỜNG	28/03/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.00	07.75	08.00	0.50	24.25
11	02051063	PHAN LÊ TUẤN KHẢI	25/08/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	B00	09.40	08.00	06.75	0.00	24.15
12	53012421	NGUYỄN HOÀNG KHANG	20/11/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A01	08.40	06.50	09.00	0.25	24.15
13	49009158	NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	31/05/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.00	08.00	07.50	0.50	24.00
14	52005229	LÊ THỊ HÒA	17/03/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.20	07.50	07.75	0.50	23.95
15	46005035	NGUYỄN KIM HOÀN	06/09/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A01	08.00	08.25	07.00	0.50	23.75
16	02016826	LÊ ĐÌNH GIA HUY	19/02/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	09.00	07.25	07.50	0.00	23.75
17	61008798	ĐÀO TRỌNG NAM	27/01/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.40	08.50	07.25	0.50	23.65
18	49006376	DƯƠNG THỊ TUYẾT NGÂN	26/07/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	B00	08.40	09.00	05.75	0.50	23.65
19	56005744	ĐỖ THỊ TRÚC LINH	20/06/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.60	07.00	07.50	0.50	23.60
20	49013757	NGUYỄN THÀNH THUẬN	13/02/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.60	07.25	07.25	0.50	23.60

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
21	40016209	LÊ PHÚ HUY	27/02/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.20	06.50	08.00	0.75	23.45
22	46005759	TRƯƠNG NGUYỄN MAI PHƯƠNG	20/06/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.20	07.50	07.00	0.75	23.45
23	56007247	NGUYỄN HUỲNH TƯỜNG DUYỀN	17/10/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.60	07.50	07.75	0.50	23.35
24	02048648	PHAN LÊ THANH THI	02/10/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.40	07.75	07.20	0.00	23.35
25	49000910	PHAN THÀNH LỘC	07/03/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.20	06.75	08.00	0.25	23.20
26	56010146	PHAN MỸ DUYỀN	03/11/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	A01	09.00	07.50	06.40	0.25	23.15
27	02036775	VĂN LAN NHI	05/11/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.00	07.25	07.60	0.25	23.10
28	52005374	PHAN DOÃN NGỌC MINH	29/04/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	B00	07.80	07.50	07.25	0.50	23.05
29	48011851	NGUYỄN ĐÌNH THIÊN LỘC	04/03/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.20	07.00	07.50	0.25	22.95
30	49010599	LÝ HOÀNG NAM	05/09/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.20	08.75	05.50	0.50	22.95
31	49013857	NGUYỄN THỊ TRÚC VY	01/06/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.80	07.00	07.25	0.75	22.80
32	02037347	NGUYỄN THỊ DIỄM NGỌC	06/02/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	09.00	07.25	06.25	0.25	22.75
33	43008354	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	02/10/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.00	07.50	07.50	0.75	22.75
34	53012472	TRẦN NHẬT KHÁNH LINH	02/11/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.40	06.75	07.75	0.75	22.65
35	49009451	TRẦN THỊ ANH THU	21/11/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.00	08.75	06.40	0.50	22.65
36	46004784	PHAN HỒNG ANH	22/10/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	B00	07.60	07.50	07.00	0.50	22.60
37	53011440	TRẦN THỊ SONG NHI	07/08/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.60	06.50	08.00	0.50	22.60
38	51002245	NGUYỄN PHẠM KIẾN QUỐC	07/02/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.60	06.25	08.50	0.25	22.60
39	02062524	PHẠM THANH HIỀN	15/08/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	09.00	07.75	05.80	0.00	22.55
40	49006067	BÙI MINH PHÁT	19/01/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.00	06.75	07.25	0.50	22.50
41	02070793	TRẦN MINH KHANG	23/09/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.20	06.75	07.25	0.25	22.45
42	02043325	PHAN TRÚC QUẾ ANH	10/02/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.40	07.25	06.75	0.00	22.40
43	48011461	TRẦN THỊ TRÚC LINH	09/04/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	B00	07.40	07.50	07.00	0.50	22.40
44	49008680	VÕ THÀNH NHÂN	06/10/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.40	06.75	06.75	0.50	22.40

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
45	53012769	NGUYỄN THỊ CẨM THƠ	04/10/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.40	06.75	06.50	0.75	22.40
46	46007310	NGUYỄN THỊ TRÚC NGÂN	26/03/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.60	07.75	06.50	0.50	22.35
47	44011387	LÊ THỊ CÁT TƯỜNG	05/04/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.80	08.25	05.80	0.50	22.35
48	02069269	VÕ MINH ĐẠT	03/01/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.80	06.75	07.50	0.25	22.30
49	49008865	NGUYỄN QUẾ TRẦN	03/02/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.80	08.00	06.00	0.50	22.30
50	38004508	TÀI VĂN TIẾN DŨNG	13/11/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	A01	07.60	07.50	06.40	0.75	22.25
51	46001793	LÊ THỊ HUYỀN TRÂM	23/11/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.40	06.75	07.75	0.25	22.15
52	46004853	BÙI THANH DANH	20/03/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.60	06.50	07.25	0.75	22.10
53	56000451	BÙI THANH TRÚC	06/03/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	07.75	06.20	0.50	22.05
54	37001696	HUỖNH PHAN KHẢ TÚ	19/11/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.80	07.25	06.75	0.25	22.05
55	42010594	NGUYỄN HÙNG VIỆT	24/06/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	B00	06.80	07.50	07.00	0.75	22.05
56	60002789	TRẦN TRUNG HẬU	05/04/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.80	07.75	05.60	0.75	21.90
57	46007908	HUỖNH DUY KHÁNH	25/10/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	08.00	05.80	0.50	21.90
58	48016191	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	26/09/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.40	06.25	08.00	0.25	21.90
59	02016426	NGUYỄN TẤN PHÁT	09/12/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.40	06.75	07.75	0.00	21.90
60	49011322	HUỖNH THỊ ANH THỊ	25/02/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.80	06.75	06.75	0.50	21.80
61	38011111	VÕ NGÔ VĂN	10/12/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.80	07.75	05.50	0.75	21.80
62	46006242	NGUYỄN THỊ NHƯ HUỖNH	14/08/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.00	05.75	07.25	0.75	21.75
63	02035721	NGUYỄN THỊ KIM NGỌC	28/10/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	A01	07.60	07.50	06.40	0.25	21.75
64	46004444	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	21/02/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.20	06.25	06.75	0.50	21.70
65	02054000	HUỖNH BỘI NHI	01/09/2002	Nữ	06	3	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.20	06.75	06.75	1.00	21.70
66	52001734	NGUYỄN MẠNH TRÚC ANH	06/08/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.40	06.75	07.20	0.25	21.60
67	37011118	TRẦN QUỐC THẮNG	01/09/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.60	08.00	06.50	0.50	21.60
68	49002269	NGUYỄN LÊ TỶ	22/12/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.60	07.75	05.75	0.50	21.60

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
69	42009841	PHẠM THỊ KIM NGÂN	13/05/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A01	07.60	07.00	06.20	0.75	21.55
70	02064254	LÊ HOÀNG MAI TRÂM	31/07/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.40	06.50	07.60	0.00	21.50
71	35009822	PHẠM THỊ HỒNG HẠNH	27/02/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	07.50	05.80	0.50	21.40
72	51002172	NGUYỄN HIẾU NGHĨA	04/12/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.40	06.75	07.00	0.25	21.40
73	02040049	TRẦN MINH THƯ	28/09/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	B00	08.40	06.50	06.50	0.00	21.40
74	46006023	VÕ THỊ THÙY TRANG	02/10/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.40	06.50	06.75	0.75	21.40
75	02071746	NGUYỄN THỊ THU MAI	22/11/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.60	06.75	06.75	0.25	21.35
76	02036828	PHẠM HOÀNG PHÚC	19/09/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.80	07.50	05.80	0.25	21.35
77	52003265	LÊ NGỌC TRUNG	17/04/2001	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.60	06.50	07.00	0.25	21.35
78	42004008	JO' LONG YA HUY	07/03/2002	Nam	01	1	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.80	06.75	05.00	2.75	21.30
79	42004049	TRẦN LÊ THẮNG LỢI	28/02/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	B00	07.80	06.25	06.50	0.75	21.30
80	02045171	NGUYỄN LÊ THÚY NGỌC	06/11/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.80	06.25	07.25	0.00	21.30
81	02010378	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG	19/12/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.80	06.75	06.75	0.00	21.30
82	47002461	PHẠM TRƯỜNG QUÝ	17/06/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.60	08.00	04.20	0.50	21.30
83	46000013	NGUYỄN HOÀNG THÚY AN	05/10/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.60	07.00	05.40	0.25	21.25
84	46004818	NGUYỄN DUY BÌNH	16/02/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.00	07.75	05.00	0.50	21.25
85	32007254	LÊ THỊ THU HIỀN	27/09/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.00	05.00	07.75	0.50	21.25
86	02031706	NGUYỄN THÀNH NHÂN	16/06/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.80	07.00	07.20	0.25	21.25
87	49009419	LÊ NGUYỄN ĐẠT THỊNH	16/09/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.00	06.50	06.25	0.50	21.25
88	53014287	LÊ TRẦN NGỌC UYÊN	10/03/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.00	05.50	07.25	0.50	21.25
89	02061717	ĐỖ HÙNG VIỆT	27/01/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	B00	08.00	07.50	05.75	0.00	21.25
90	02010730	PHÙNG THỊ THUỶ NGÀ	29/03/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.20	06.50	06.50	0.00	21.20
91	02013461	TRẦN HỒNG NHUNG	06/10/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	07.00	06.60	0.00	21.20
92	02043669	TRẦN VĂN TIỀN	17/05/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.20	06.50	06.50	0.00	21.20

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
93	46000107	TRẦN KIM BĂNG	18/10/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.40	07.75	05.75	0.25	21.15
94	53012252	TỔNG THỊ KIM CƯƠNG	11/12/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.20	08.00	04.20	0.75	21.15
95	44006819	LÊ NGÔ NHƯ QUỲNH	20/09/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.40	06.00	07.50	0.25	21.15
96	02021453	TRẦN QUỐC ĐẠT	15/10/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.40	05.50	07.20	0.00	21.10
97	02043918	NGUYỄN TUẤN KIẾT	24/07/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.60	06.25	07.25	0.00	21.10
98	52003618	NGUYỄN PHÚC MINH	11/01/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	07.25	06.00	0.25	21.10
99	02063897	LÊ THỊ THẢO VÂN	11/07/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.80	06.75	06.50	0.00	21.05
100	02073938	NGUYỄN THỊ NGỌC NHI	29/12/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	07.00	06.80	0.00	21.00
101	02044263	PHAN NGÔ PHÚ QUÝ	22/09/2001	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.00	06.75	07.25	0.00	21.00
102	02036480	PHAN THỊ KIM TUYỀN	16/04/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.40	07.75	05.60	0.25	21.00
103	48005757	HOÀNG VĂN NHẬT HÀO	20/02/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.40	06.75	05.00	0.75	20.90
104	58003234	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	07/01/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.00	07.75	05.40	0.75	20.90
105	53003644	PHAN THÀNH AN	15/06/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.60	07.00	06.75	0.50	20.85
106	02027293	NGUYỄN PHƯƠNG NHƯ	18/11/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.20	07.25	05.40	0.00	20.85
107	49009598	LÊ HẢI CỜ	07/11/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A01	08.40	07.00	04.80	0.50	20.70
108	02018787	VÕ THỊ XUÂN HẠNH	28/12/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.40	06.75	07.50	0.00	20.65
109	49009660	VŨ NGHĨA HƯNG	28/10/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	07.75	04.80	0.50	20.65
110	48015429	NGUYỄN HỒNG TÔ NHI	20/11/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.40	05.50	07.25	0.50	20.65
111	02050130	TRẦN QUỐC AN	26/10/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	07.00	06.40	0.00	20.60
112	02043267	TRƯƠNG ĐÌNH VINH	19/10/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A01	07.40	07.00	06.20	0.00	20.60
113	48010915	ĐẶNG HỒ KHÁNH LINH	28/12/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.60	07.50	06.20	0.25	20.55
114	02020728	PHAN TẤN LỘC	15/11/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.80	05.75	07.00	0.00	20.55
115	37012195	PHÙNG THỊ KIM THANH	02/09/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.20	07.00	04.80	0.50	20.50
116	53000014	LÊ THỊ VÂN ANH	19/09/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.00	07.75	05.20	0.50	20.45

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
117	42011100	NGUYỄN NGỌC MỸ UYÊN	30/06/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	06.50	06.00	0.75	20.45
118	49013422	NGUYỄN THỊ NHẢ CHỊ	10/12/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.40	07.00	05.50	0.50	20.40
119	46002956	CHÂU HUỆ MẪN	02/12/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.40	07.50	05.00	0.50	20.40
120	02024940	NGUYỄN TRÀ MY	13/10/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.80	07.00	05.60	0.00	20.40
121	02031473	HỒ THỊ KIM TUYỀN	08/11/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	B00	08.40	06.50	05.25	0.25	20.40
122	49006377	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	06/08/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	B00	06.60	07.50	05.75	0.50	20.35
123	02070968	HUỲNH PHƯỚC NHÂN	23/11/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.60	06.50	07.00	0.25	20.35
124	46004472	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	28/10/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	07.00	05.00	0.75	20.35
125	56008211	LÊ THỊ KIM NGÂN	20/09/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.00	07.00	04.80	0.50	20.30
126	47004248	THÁI NGỌC THÀNH	23/01/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.80	06.50	06.25	0.75	20.30
127	02046679	NGUYỄN PHẠM GIA KIỆT	08/10/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.00	06.25	07.00	0.00	20.25
128	49008305	NGUYỄN QUỐC THẾ	25/07/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.00	06.00	06.75	0.50	20.25
129	51008695	NEÁNG SI NA	11/04/2002	Nữ	01	1	7850103	Quản lý đất đai	D01	04.00	08.25	05.20	2.75	20.20
130	02035525	PHAN HỒNG YẾN	24/03/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.20	06.00	06.75	0.25	20.20
131	02039577	TRẦN GIA HÂN	07/05/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	06.75	05.80	0.00	20.15
132	48008239	LÊ HỒ THÁI HUY	28/01/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	07.00	05.20	0.75	20.15
133	53009600	NGUYỄN THỊ NGỌC HUỲNH	20/01/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.00	07.25	04.40	0.50	20.15
134	02030521	NGUYỄN ĐẠT LÂM	11/10/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A01	08.20	06.75	05.20	0.00	20.15
135	46003241	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGUYỄN	05/08/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.40	07.50	05.50	0.75	20.15
136	02010934	VÕ TÔ NHƯ	27/04/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.40	06.75	07.00	0.00	20.15
137	02063562	HUỲNH PHÚC	26/11/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.00	06.75	06.40	0.00	20.15
138	02019048	LA THUẬN TƯỜNG	23/03/2002	Nam	06	3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.60	06.25	06.20	1.00	20.05
139	57005716	NGUYỄN THỊ THÚY VY	28/03/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.80	06.75	05.00	0.50	20.05
140	52003982	TRẦN THỊ NGỌC CHÂU	21/12/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.00	06.50	05.25	0.25	20.00

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
141	46000776	TRƯƠNG MINH HƯNG	27/11/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.80	06.75	05.20	0.25	20.00
142	02037363	TRẦN TRƯƠNG THÀNH NHÂN	04/03/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.00	05.75	06.00	0.25	20.00
143	53014283	TRƯƠNG THỊ NGỌC TUYỀN	26/04/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	07.50	04.40	0.50	20.00
144	47002358	NGUYỄN TRƯƠNG HUYỀN LƯƠNG	21/02/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.60	08.25	04.60	0.50	19.95
145	49003847	LÊ HỮU NGHĨA	21/06/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A01	07.40	06.50	05.80	0.25	19.95
146	46005113	PHẠM NGỌC HƯƠNG	01/12/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	06.75	05.20	0.75	19.90
147	42004062	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	27/08/2002	Nam	06	1	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.40	06.75	04.00	1.75	19.90
148	46007013	NGUYỄN NGỌC KHÁNH MINH	21/05/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.80	08.00	05.60	0.50	19.90
149	47005739	PHẠM THỊ NHẢ VY	22/10/2001	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	08.00	04.40	0.25	19.85
150	47007244	TRẦN ĐÌNH NHÂN	16/02/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.80	06.00	05.25	0.75	19.80
151	49012337	DƯƠNG ĐÌNH DUY	23/10/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.40	07.25	04.60	0.50	19.75
152	02038750	VÕ THỊ MINH LUẬN	19/05/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.00	07.75	04.00	0.00	19.75
153	43002589	BÙI THỊ NGỌC MAI	01/06/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.00	06.25	05.75	0.75	19.75
154	02059499	NGUYỄN TÂN HUY QUYỀN	02/12/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.20	06.75	04.80	0.00	19.75
155	02066833	NGÔ QUANG TRÍ	24/12/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.20	05.50	07.00	0.00	19.70
156	46004181	NGUYỄN TRƯỜNG DUY	02/04/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.00	06.50	04.40	0.75	19.65
157	02059701	NGUYỄN THỊ THANH THUÝ	07/02/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.40	05.50	06.75	0.00	19.65
158	02036999	BÙI THANH THƯ	25/10/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	07.00	04.80	0.25	19.65
159	56008960	ĐẶNG THỊ THÙY DƯƠNG	28/03/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.60	05.75	05.75	0.50	19.60
160	02039087	NGUYỄN HUỲNH ANH PHÚC	22/05/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.60	06.00	06.00	0.00	19.60
161	46008458	ÂU THỊ KIM THẨM	24/12/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.60	06.50	06.00	0.50	19.60
162	49010371	NGUYỄN THỊ CẨM CHÂU	21/11/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.80	04.75	07.50	0.50	19.55
163	02021691	LƯƠNG TẤN KHOA	01/09/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	06.75	05.60	0.00	19.55
164	02017242	TRỊNH Tú QUYỀN	08/04/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.80	07.00	05.75	0.00	19.55

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
165	02001105	NGUYỄN THỊ VÂN QUỲNH	13/03/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.40	06.75	06.40	0.00	19.55
166	41003377	NGUYỄN VŨ HOÀNG LONG	18/02/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.00	04.75	06.25	0.50	19.50
167	02058776	HUỲNH TẤN HÙNG	01/07/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.20	07.00	06.25	0.00	19.45
168	02072117	PHẠM ĐÌNH TRUNG TÍN	20/08/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.20	06.00	06.00	0.25	19.45
169	02021806	CAO LÊ MINH TRIẾT	07/11/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	B00	07.20	06.25	06.00	0.00	19.45
170	02043746	LẠI PHƯƠNG TRÚC	08/06/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.00	07.25	06.20	0.00	19.45
171	02011355	NGUYỄN LÂM DƯƠNG	20/06/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.40	07.75	05.00	0.25	19.40
172	02049442	NGUYỄN HOÀNG LONG	23/02/2001	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.40	05.75	07.25	0.00	19.40
173	43002723	NGUYỄN THỊ TÂM	01/01/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.80	06.25	05.50	0.75	19.30
174	02045395	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	26/05/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.80	07.50	05.00	0.00	19.30
175	37006622	NGUYỄN LAN ANH	13/09/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	07.00	04.80	0.25	19.25
176	37001218	NGUYỄN GIA HUY	22/04/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.00	04.75	07.25	0.25	19.25
177	52004261	NGUYỄN HOÀNG UYÊN NHI	07/02/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.60	06.00	06.40	0.25	19.25
178	02040169	NGUYỄN THANH TUYỀN	17/04/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.00	05.75	06.50	0.00	19.25
179	02030942	ĐỖ THUY LOAN ANH	06/05/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.00	06.75	05.20	0.25	19.20
180	02037830	PHẠM MẠNH CHIẾN	24/12/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	08.00	03.60	0.00	19.20
181	02043940	HOÀNG THỊ KHÁNH LINH	02/12/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.20	05.50	06.50	0.00	19.20
182	02034031	TRẦN ĐĂNG LỰC	21/12/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.20	05.50	05.25	0.25	19.20
183	02034097	NGUYỄN NGỌC NGÂN	05/01/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	B00	07.20	06.25	05.50	0.25	19.20
184	53012985	LƯU THỊ HỒNG YẾN	29/07/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	A01	07.60	06.75	04.60	0.25	19.20
185	02043039	TRẦN KIM PHỤNG	27/12/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.60	07.50	05.00	0.00	19.10
186	02058876	TRẦN LÊ NHẬT KHANG	14/10/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A01	06.80	06.25	06.00	0.00	19.05
187	02071197	LÊ THỊ ANH THƯ	23/11/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.80	07.00	04.00	0.25	19.05
188	02035246	TRẦN NGUYỄN THU HIỀN	03/11/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.40	06.75	04.60	0.25	19.00

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
189	02001176	LÊ THỊ THANH THẢO	12/05/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	07.00	04.80	0.00	19.00
190	40007782	TRẦN LÊ BÍCH HẰNG	16/05/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.20	07.25	03.75	0.75	18.95
191	46005697	TRƯƠNG THỊ QUỲNH NHƯ	16/11/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	06.25	04.60	0.50	18.95
192	48020292	PHẠM HIẾN THÀNH	08/03/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.20	06.00	06.50	0.25	18.95
193	49002913	VÕ THỊ YẾN TRINH	02/06/2001	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.40	07.50	04.80	0.25	18.95
194	02043453	LÊ HỒNG ĐẠT	10/02/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.80	07.50	03.60	0.00	18.90
195	49001431	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	24/11/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.40	05.25	06.75	0.50	18.90
196	02065828	NGUYỄN BỘI NGỌC	11/09/2002	Nữ	06	3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.00	07.25	03.60	1.00	18.85
197	48021555	PHẠM TRẦN TRÍ THÔNG	01/05/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.20	07.00	03.40	0.25	18.85
198	02062007	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	11/03/2000	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	B00	06.80	05.75	06.25	0.00	18.80
199	53013309	VÕ TẤN ĐẠT	21/08/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	06.25	04.20	0.75	18.80
200	53005489	LƯU TRẦN TUẤN KIẾT	31/05/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.80	06.00	03.50	0.50	18.80
201	02074134	NGUYỄN VĂN THỦ	26/03/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	05.80	05.75	07.25	0.00	18.80
202	49005576	NGUYỄN MINH TRÍ	28/03/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	B00	06.80	05.25	06.25	0.50	18.80
203	53010925	NGUYỄN THANH TRÚC	14/02/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.40	07.50	04.40	0.50	18.80
204	50004809	NGUYỄN THỊ THUỶ TIÊN	28/11/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.40	07.50	03.60	0.25	18.75
205	02031124	HỒ THỊ THANH HẰNG	17/08/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.20	06.50	04.75	0.25	18.70
206	02000389	NGUYỄN THÁI AN KHANG	01/05/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A01	07.00	06.50	05.20	0.00	18.70
207	02071855	ĐÀO THỊ PHƯƠNG NHI	24/07/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.80	07.25	03.40	0.25	18.70
208	02033699	NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN	10/01/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.80	06.25	05.40	0.25	18.70
209	49003094	TRIỆU NGUYỄN HẢI ĐĂNG	27/03/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.40	06.50	05.50	0.25	18.65
210	02043522	HÀ HỒNG HÂN	16/12/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	06.25	05.20	0.00	18.65
211	02031282	HUỲNH HỒNG PHƯƠNG LINH	27/09/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.40	07.00	04.00	0.25	18.65
212	02034081	HUỲNH THỊ KIM NGÂN	15/12/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	08.00	02.80	0.25	18.65

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
213	46005600	PHAN HOÀI NGỌC	07/04/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A01	07.20	06.50	04.20	0.75	18.65
214	35000852	MAI THỊ KIM TUYẾN	02/09/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.40	06.75	04.00	0.50	18.65
215	02033487	HUỖNH CÔNG ĐẠT	11/10/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.40	07.75	03.20	0.25	18.60
216	02027067	VÕ THÀNH LỘC	21/06/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.20	07.00	05.40	0.00	18.60
217	47010538	LÊ TUẤN PHÚC	17/11/2000	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.00	06.75	04.60	0.25	18.60
218	48022759	VÕ NGUYỄN HOÀNG THƯƠNG	25/02/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	07.60	05.25	05.50	0.25	18.60
219	46007170	NGUYỄN TRẦN BẢO TRỌNG	09/07/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.80	06.50	03.80	0.50	18.60
220	28031880	LƯỜNG TÚ ĐẠT	13/06/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.80	07.25	04.00	0.50	18.55
221	49012534	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	29/04/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.20	07.25	04.60	0.50	18.55
222	49012640	VÕ TẤN QUANG	28/05/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.00	07.25	03.80	0.50	18.55
223	43009428	THÂN QUANG TRƯỜNG	04/11/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.40	06.00	04.40	0.75	18.55
224	02043781	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	01/11/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.60	06.75	05.20	0.00	18.55
225	02049030	NGUYỄN MẠNH AN	30/10/1994	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	B00	06.00	07.00	05.50	0.00	18.50
226	02036066	BÙI NGỌC TRÂM ANH	12/11/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.20	06.25	05.80	0.25	18.50
227	02038140	NGUYỄN NHẤT HUY	04/03/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	06.50	04.80	0.00	18.50
228	02071899	BÙI MINH PHÁT	28/08/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	06.25	04.80	0.25	18.50
229	49000395	NGUYỄN HUY HOÀNG	20/01/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.00	07.75	04.20	0.50	18.45
230	02043014	DƯƠNG VĨNH PHÁT	20/09/2002	Nam	06	3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	06.25	04.00	1.00	18.45
231	49013243	TRẦN QUỐC THÁI	03/07/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.20	06.75	05.00	0.50	18.45
232	42004539	TRẦN THỊ THANH BÌNH	16/06/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.80	07.00	02.80	0.75	18.35
233	49001345	NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ'	30/06/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.00	07.25	04.60	0.50	18.35
234	47003989	HUỖNH THỊ MỸ DUYÊN	21/08/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	A00	05.80	05.25	06.50	0.75	18.30
235	31009390	ĐỖ VĂN ĐẠT	21/11/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.80	08.00	03.00	0.50	18.30
236	48018950	TRẦN VŨ TRƯỜNG SANG	16/05/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	05.80	05.00	07.25	0.25	18.30

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
237	52006544	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	26/04/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.80	04.75	06.25	0.50	18.30
238	52005903	NGUYỄN THỊ HỒNG ĐÀO	20/09/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.00	04.75	05.00	0.50	18.25
239	02043295	NGUYỄN HUỖNH AN	14/08/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.20	05.25	06.75	0.00	18.20
240	02032566	NGUYỄN HÙNG QUỐC BẢO	23/12/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	B00	06.20	06.00	05.75	0.25	18.20
241	02070408	NGUYỄN VĂN TRẦN THẮNG	17/04/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.40	06.75	03.80	0.25	18.20
242	39003782	THÁI THẢO VÂN	01/02/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	06.25	04.20	0.50	18.15
243	40014293	LƯƠNG GIA BẢO	31/03/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	A01	07.20	04.75	05.40	0.75	18.10
244	49010396	TRẦN THỊ THU DUNG	17/12/2001	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.80	07.00	04.80	0.50	18.10
245	02006508	VŨ ĐỨC LỘC	22/04/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.00	05.50	06.60	0.00	18.10
246	41008874	VY HỒ KHANG NINH	09/04/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.60	07.25	04.00	0.25	18.10
247	02034511	NGUYỄN THANH THÚY	20/09/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.60	07.25	04.00	0.25	18.10
248	02031244	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	07/08/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.80	06.75	04.20	0.25	18.00
249	02030594	BÙI ĐÀO TRÀ MY	26/04/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.80	07.00	04.20	0.00	18.00
250	02071112	NGUYỄN TRÍ TÂN	25/11/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.80	04.75	05.20	0.25	18.00
251	02043917	NGUYỄN TUẤN KIẾT	11/04/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.80	06.75	04.40	0.00	17.95
252	46000875	NGUYỄN TUẤN KIẾT	25/06/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.00	07.50	03.20	0.25	17.95
253	49009161	MAI HÙNG TẤN KHƯƠNG	14/08/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.00	06.42	05.00	0.50	17.92
254	53011887	NGUYỄN HOÀNG XUÂN BÁCH	08/03/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.80	07.75	03.60	0.75	17.90
255	02034735	TRẦN NGUYỄN TUẤN KIẾT	10/10/2002	Nam	06	2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.80	06.25	02.60	1.25	17.90
256	02032537	NGUYỄN THỊ MỸ YẾN	19/11/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.40	05.00	06.25	0.25	17.90
257	02010421	TRẦN THIỆN QUÂN	25/09/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.60	05.75	05.50	0.00	17.85
258	49002202	CHÂU ĐỨC THẮNG	20/01/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	B00	05.80	05.75	05.75	0.50	17.80
259	49012892	LÊ THỊ QUẾ CHI	02/01/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.80	07.25	04.20	0.50	17.75
260	46001646	NGUYỄN LÂM SƠN	24/10/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	08.00	02.25	07.25	0.25	17.75

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
261	02016437	NGUYỄN HOÀI PHONG	10/01/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.20	06.00	05.50	0.00	17.70
262	02027499	TRẦN HỮU THỌ	02/11/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.80	06.50	04.40	0.00	17.70
263	02030256	DƯƠNG CẨM TIỀN	27/11/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	05.50	04.60	0.00	17.70
264	42005309	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG ANH	13/04/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.40	06.50	05.00	0.75	17.65
265	54008302	VÕ TRẦN HUY	01/08/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	06.00	03.80	0.25	17.65
266	49003229	LÊ QUỐC KHÁNH	07/12/2001	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.20	07.00	04.20	0.25	17.65
267	02021151	HUỲNH NGỌC TUẤN	18/05/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.80	07.25	04.60	0.00	17.65
268	43004327	LƯU NHẬT THIÊN	03/04/2002	Nam	01	1	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.00	05.25	03.60	2.75	17.60
269	02011397	NGUYỄN NGỌC HẢI ĐĂNG	21/07/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.40	06.75	04.40	0.00	17.55
270	53001544	TRƯƠNG THỊ THANH HẰNG	14/02/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.40	07.25	03.40	0.50	17.55
271	49004255	PHẠM THỊ KIM NGÂN	24/01/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.60	05.50	05.20	0.25	17.55
272	47002753	VŨ NGỌC HIẾU	05/06/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.60	06.50	03.60	0.75	17.45
273	42011862	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	06/06/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.40	07.50	03.80	0.75	17.45
274	51005321	HUỲNH QUỐC NAM	31/05/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.20	07.50	04.00	0.75	17.45
275	02017828	HUỲNH XUÂN THẢO	21/06/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.20	07.25	05.00	0.00	17.45
276	49012817	VÕ HOÀNG TƯỜNG	25/03/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.20	06.75	04.00	0.50	17.45
277	46006287	HỒ THÀNH LÂM	13/07/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	06.25	03.20	0.75	17.40
278	02046991	NGUYỄN LƯƠNG MINH PHÁN	14/04/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.80	06.00	05.60	0.00	17.40
279	53003779	HUỲNH TẤN KHẢI	16/10/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.40	07.25	03.20	0.50	17.35
280	53000951	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	21/01/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.80	07.25	03.80	0.50	17.35
281	53012920	NGUYỄN THANH TÚ	30/04/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.60	05.50	04.00	0.25	17.35
282	57004539	NGUYỄN ĐẶNG MINH TIỀN	05/12/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.00	06.00	03.80	0.50	17.30
283	56010531	LÊ HUỲNH HUẾ TRÂM	17/01/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	05.25	04.60	0.25	17.30
284	43004116	TRẦN SỸ HẬU	29/12/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	05.50	03.80	0.75	17.25

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
285	48020978	NGUYỄN HOÀNG THẮNG	14/04/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	08.60	03.75	04.40	0.50	17.25
286	46002576	LÊ NGUYỄN THANH TUYỀN	15/09/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.40	07.75	03.60	0.50	17.25
287	02060276	NGUYỄN KHÁNH DUY	09/02/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.40	06.00	04.80	0.00	17.20
288	47002296	TRỊNH ĐÌNH HUY	13/03/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.00	06.50	04.20	0.50	17.20
289	49005329	NGUYỄN NGỌC KIM DUYỀN	14/11/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.20	07.00	04.40	0.50	17.10
290	02032524	NGUYỄN NGỌC THẢO VY	28/11/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	B00	06.60	06.00	04.25	0.25	17.10
291	46005128	DƯƠNG HOÀNG KHANG	17/05/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.40	06.50	03.40	0.75	17.05
292	02042860	TRẦN ĐOÀN ĐÌNH KHOA	12/06/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.00	06.50	02.80	0.75	17.05
293	44006417	PHẠM THỊ TRINH	28/05/2001	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.00	07.00	03.80	0.25	17.05
294	47002499	VÕ TRẦN THIỆN THANH	10/07/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.20	07.25	03.80	0.75	17.00
295	57004132	LA THỊ HUỲNH NHƯ	12/01/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.80	05.00	03.60	0.50	16.90
296	49011661	NGUYỄN TÂN PHÁT	03/09/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.60	07.00	02.80	0.50	16.90
297	49011248	PHẠM MINH PHƯƠNG	02/01/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.80	07.00	02.60	0.50	16.90
298	02064381	NGUYỄN TỰ QUANG VINH	14/03/2001	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.00	06.25	04.60	0.00	16.85
299	49007907	TRẦN THỊ BÍCH NGÂN	02/01/2001	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	B00	07.80	03.00	05.50	0.50	16.80
300	38003337	TRƯƠNG NGỌC BÍCH NHI	23/05/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.40	07.25	03.40	0.75	16.80
301	02039929	CHU HÀ MINH QUÂN	25/02/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.00	06.00	05.80	0.00	16.80
302	47002615	NGUYỄN VĂN TUẤN	11/07/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.80	06.25	03.20	0.50	16.75
303	43004416	NGUYỄN THỊ HỒNG YẾN	07/11/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.20	06.00	04.80	0.75	16.75
304	48004810	LÊ PHAN VIỆT ĐỨC	30/04/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.80	05.00	04.40	0.50	16.70
305	49005942	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	24/11/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.40	07.00	03.80	0.50	16.70
306	63000144	HOÀNG MAI DUYỀN	11/06/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.20	06.50	02.20	0.75	16.65
307	53000713	NGÔ LÊ NGÂN HUỆ	06/09/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.60	05.75	03.80	0.50	16.65
308	02042825	PHAN KHÁNH HUYỀN	28/08/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.40	06.25	04.00	0.00	16.65

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
309	02040192	ĐẶNG HỒNG CHÍ VIỄN	18/05/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.00	06.00	04.60	0.00	16.60
310	47005953	PHẠM ANH KHOA	30/08/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.00	06.25	03.00	0.25	16.50
311	01064509	QUÁCH THỊ LIÊN	23/03/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	04.80	08.25	03.20	0.25	16.50
312	52001056	TRẦN ĐÌNH LONG	01/11/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A01	07.00	05.25	04.00	0.25	16.50
313	02053117	VÕ GIA AN	09/12/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	07.00	06.75	02.60	0.00	16.35
314	02018202	LÊ HUỖNH ĐẠN DAO	25/08/2001	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.80	06.50	03.00	0.00	16.30
315	02013448	TRẦN YẾN NHI	30/10/2002	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.40	06.50	04.40	0.00	16.30
316	46007096	ĐẶNG HỒNG THẨM	28/07/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.80	07.00	03.00	0.50	16.30
317	46004254	NGUYỄN VĂN HÀO	27/12/2002	Nam		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.00	05.50	04.00	0.75	16.25
318	49013656	LÊ THỊ CHÚC NI	11/01/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.60	06.50	03.40	0.75	16.25
319	48010130	PHAN TRUNG KIẾN	18/01/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.40	08.50	01.80	0.50	16.20
320	02032342	PHẠM THỊ TRÚC QUYỀN	08/02/2002	Nữ		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.80	05.75	04.40	0.25	16.20
321	02031947	NGUYỄN MINH THUẬN	29/01/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.60	06.50	03.80	0.25	16.15
322	47004876	PHAN THỊ KIM TIẾN	07/11/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	04.20	07.25	04.20	0.50	16.15
323	49006589	NGUYỄN NGỌC DUY	15/10/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.20	06.75	03.60	0.50	16.05
324	49007446	HUỖNH LÊ TƯỜNG VY	04/12/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.60	06.75	03.20	0.50	16.05
325	49013662	NGUYỄN TẤN PHÁT	19/06/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.00	05.25	04.25	0.50	16.00
326	44009318	TRẦN THỊ NGỌC DUYÊN	13/11/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.40	07.50	02.40	0.50	15.80
327	49012965	HUỖNH THỊ LỆ HOA	27/11/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	04.20	07.00	04.00	0.50	15.70
328	46003304	NGUYỄN KIỀU OANH	13/07/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	B00	05.20	05.50	04.50	0.50	15.70
329	02043548	CHUNG THỊ NGỌC HIẾU	18/05/2001	Nữ		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.80	05.25	04.60	0.00	15.65
330	40001978	NGUYỄN XUÂN MAI	24/05/2002	Nữ		1	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.40	06.50	03.00	0.75	15.65
331	35009210	PHAN HUYỀN MY	07/05/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.40	04.00	04.75	0.50	15.65
332	43009166	PHẠM THỊ THU HÀ	03/12/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	04.80	07.25	03.00	0.50	15.55

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
333	02005881	NGUYỄN CÔNG HIẾU	25/05/2002	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	04.60	05.75	05.20	0.00	15.55
334	46002395	NGUYỄN PHỤNG	09/09/2001	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A00	05.80	04.75	04.50	0.50	15.55
335	53004384	VÕ TRUNG CHÍ	05/05/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	A00	06.20	04.75	04.25	0.25	15.45
336	49011290	NGÔ HOÀI PHÁT TẤN	28/04/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	04.80	06.75	03.40	0.50	15.45
337	49009573	HUỖNH THỊ NGỌC YẾN	26/01/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	A01	06.40	05.50	03.00	0.50	15.40
338	02033002	HUỖNH HỒNG PHONG	08/06/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	04.60	07.25	03.20	0.25	15.30
339	49002559	NGUYỄN HỮU LỘC	16/07/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	06.40	05.00	03.60	0.25	15.25
340	02006776	TĂNG THÀNH NHÂN	15/03/2001	Nam		3	7850103	Quản lý đất đai	D01	04.80	05.75	04.60	0.00	15.15
341	31007444	NGUYỄN ĐÌNH PHƯỚC	10/11/2002	Nam		2	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.40	07.00	02.40	0.25	15.05
342	53010430	TRẦN THỊ THÙY NHUNG	17/07/2002	Nữ		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.20	06.33	03.00	0.50	15.03
343	49009632	PHẠM MAI KHIẾT HÀO	01/01/2002	Nam		2NT	7850103	Quản lý đất đai	D01	05.60	05.50	03.40	0.50	15.00

Tổng số: 343 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
1	02032721	TRẦN THỊ HUỆ	06/10/2002	Nữ		2	7850195	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	D01	07.00	07.00	05.40	0.25	19.65
2	43005908	LÊ THỊ THÙY TRANG	28/03/2002	Nữ		1	7850195	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	D01	07.00	06.75	05.00	0.75	19.50
3	53001734	MAI TRUNG MỸ	21/01/2002	Nam		2NT	7850195	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	D01	05.40	07.25	04.80	0.50	17.95
4	39005095	TRƯƠNG NGUYỄN THÚY LOAN	23/04/2002	Nữ		2NT	7850195	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	D01	05.00	06.00	04.00	0.50	15.50
5	02010316	NGUYỄN HẢI PHONG	07/07/2002	Nam		2	7850195	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	D01	03.40	07.25	04.60	0.25	15.50
6	02070343	TRƯƠNG QUỐC VINH QUANG	07/03/2001	Nam		2	7850195	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	D01	06.60	06.00	02.40	0.25	15.25

Tổng số: 6 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020
PHƯƠNG THỨC 1: SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT NĂM 2020
NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 /10/2020 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T	Điểm TT
1	52000398	NGUYỄN THỊ HỒNG MAI	03/12/2002	Nữ		2	7850197	Quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo	A01	08.40	07.50	07.60	0.25	23.75
2	02011409	MAI NGUYỄN GIẢN ĐƠN	27/11/2002	Nữ		3	7850197	Quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo	A00	06.60	06.00	05.75	0.00	18.35
3	43000740	PHẠM HỒNG HẠNH NGUYỄN	11/03/2002	Nữ		1	7850197	Quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo	A00	07.20	05.50	03.75	0.75	17.20
4	02011289	NGUYỄN THỊ KIM CHI	08/10/2002	Nữ		3	7850197	Quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo	A00	05.20	05.50	05.00	0.00	15.70

Tổng số: 4 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(đã ký)

PGS. TS. Huỳnh Quyền